

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH - VINACOMIN**

**TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020**

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 04 năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH - VINACOMIN

(Ngày 17 tháng 04 năm 2018 tại Quảng Ninh)

| Thời gian | Nội dung chi tiết | Chủ trì |
|---|---|-------------------|
| 7h30 | Đón tiếp đại biểu, Đăng ký Đại biểu tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ | Ban tổ chức |
| | Phát tài liệu và thẻ, phiếu biểu quyết | |
| 8h00 – 8h05 | Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông | Thư ký đại hội |
| 8h05 – 8h20 | Giới thiệu Chủ tọa cuộc họp | Chủ tọa |
| | Chỉ định Ban thư ký và đề xuất Ban kiểm phiếu | |
| 8h20 – 8h30 | Trình bày dự thảo Chương trình đại hội | Thư ký đại hội |
| | Trình bày dự thảo Quy chế đại hội | |
| 8h30 – 11h | Báo cáo của Ban Giám đốc về Kết quả SX KD năm 2019; Kế hoạch và biện pháp quản lý điều hành SXKD năm 2020 | Hội đồng quản trị |
| | Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2019, phương hướng nhiệm vụ HĐQT năm 2020 | Hội đồng quản trị |
| | Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam | Kế toán trưởng |
| | Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019 | |
| | Báo cáo chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch chi trả năm 2020 | |
| | Thông qua đề xuất mức cổ tức năm 2020 | |
| | Báo cáo về việc vay vốn để hoạt động năm 2020 | Ban kiểm soát |
| | Báo cáo giám sát hoạt động quản lý điều hành năm 2019 và Thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 của Ban Kiểm soát Công ty | |
| Đề xuất Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty | | |
| Báo cáo về việc thay đổi nhân sự giữa nhiệm kỳ | Hội đồng quản trị | |
| 11h – 11h30 | Thảo luận các nội dung biểu quyết | Chủ tọa Đại hội |
| | Nghỉ giải lao | |
| 11h30 – 11h40 | Công bố kết quả biểu quyết | Ban kiểm phiếu |
| 11h40 – 12h00 | Trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội | Thư ký |
| 12h00 – 12h20 | Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội | Chủ tọa |

TẬP ĐOÀN CN THAN – KS VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN VÀNG DANH – VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 04 năm 2020

DỰ THẢO

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH - VINACOMIN

Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;

Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 11 thông qua ngày 29/06/2006;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin;

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin năm 2020.
2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền

1. Điều kiện tham dự Đại hội: Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội.

2. Quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:

a) Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội bằng văn bản theo mẫu.

b) Được thảo luận và biểu quyết trong phạm vi số phiếu của mình tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

c) Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội và các tài liệu kèm theo;

d) Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận Phiếu biểu quyết sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

e) Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa biểu quyết, khi đó Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng;

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

4. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:

a) Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Thẻ căn cước/giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu, Giấy mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

b) Mặc lịch sự, có thái độ xây dựng trong cuộc họp;

c) Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội.

d) Phát biểu và biểu quyết phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và tôn trọng sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội.

e) Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, Giấy mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền);

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Phiếu biểu quyết và các tài liệu họp liên quan khác;

c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;

- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Ban thư ký

1. Cuộc họp ĐHCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa có chức năng điều khiển Đại hội; Chủ tọa chỉ định Ban Thư ký lập biên bản cuộc họp ĐHCĐ.

Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

4. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một địa điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

5. Chủ tọa Đại hội có quyền từ chối kiến nghị, các vấn đề đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông khi:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn (chậm nhất 03 ngày làm việc trước giờ khai mạc) hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 5% trở lên cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 6 tháng trở lên.

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông

6. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản diễn biến bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Ban thư ký có chức năng lập Biên bản Đại hội, thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa.

CHƯƠNG III THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 5. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội.

Trường hợp quá 30 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông mà số cổ đông đăng ký tham dự đại hội chưa đại diện đủ cho 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành.

2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập tổ chức Đại hội cổ đông lần 2 sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 6. Tiến hành Đại hội

1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua từng nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Quy chế biểu quyết tại đại hội.

3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản Đại hội được thông qua.

Điều 7. Thông qua Quyết định của Đại hội

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, cụ thể:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty về mô hình hoạt động và người đại diện theo pháp luật quy định tại điều 134 Luật doanh nghiệp;

d) Quyết định dự án đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Các hình thức tổ chức lại, giải thể, phá sản Công ty.

đ) Sửa đổi bổ sung các nội dung của điều lệ Công ty;

2. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp thực hiện biểu quyết để Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến cho từng nội dung trong Tờ trình đại hội theo quy định tại Quy chế biểu quyết tại đại hội.

Điều 8. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải giơ thẻ xin phát biểu ý kiến và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản cuộc họp.

Điều 9. Biên bản Đại hội

1. Nội dung Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa và Thư ký chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản đại hội.

2. Biên bản Đại hội phải được Thư ký lập Biên bản đọc trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội;

3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty

4. Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết của Đại hội.

Điều 10. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội được đăng trên website của UBCK NN, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Công ty chứng khoán thành viên, Công ty Cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin.

2. Các cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục 06 tháng, thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát. Giám đốc có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

Điều 11. Hiệu lực thi hành của Quy chế

Quy chế này gồm III Chương, 11 Điều, được trình bày trước khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông, ngày 17 tháng 04 năm 2020.

Sau khi Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua thì Quy chế này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Công ty Cổ phần than Vàng Danh – Vinacomin./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA

Phạm Công Hương

TẬP ĐOÀN CN THAN – KS VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN VÀNG DANH – VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 04 năm 2020

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH - VINACOMIN

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam Khóa 11 thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam Khóa 13 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng, Thông tư số 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

PHẦN I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích.

1. Quy chế này được xác lập nhằm quy định cụ thể các nguyên tắc và phương thức biểu quyết, theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty;
2. Cổ đông thực hiện quyền cho ý kiến về các nội dung, vấn đề cụ thể để nhằm xác định các nội dung, vấn đề đó có đủ điều kiện được Đại hội thông qua;

Điều 2. Phạm vi áp dụng.

Quy chế này chỉ áp dụng trong việc biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

Điều 3. Nguyên tắc và đối tượng thực hiện biểu quyết

1. Nguyên tắc biểu quyết:

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Đại hội.

2. Đối tượng có quyền biểu quyết:

- Là các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (theo danh sách chốt cổ đông để thực hiện quyền tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp) có mặt tại Đại hội và thực hiện đăng ký tham dự Đại hội một cách hợp lệ theo quy định do Công ty công bố.

- Phiếu biểu quyết được phát cho cổ đông tại bàn đăng ký.

PHẦN II: HƯỚNG DẪN BIỂU QUYẾT

Điều 4. Phương thức biểu quyết.

- Cổ đông có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trường hợp cổ đông đến muộn, thì hiệu lực của những phiếu biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Nguyên tắc biểu quyết.

- Quyền biểu quyết của cổ đông tương ứng với số cổ phần sở hữu/đại diện của cổ đông đó.

- Việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội sẽ được thực hiện theo phương thức biểu quyết công khai, trực tiếp.

- Phiếu biểu quyết do Ban Tổ chức phát hành. Nội dung của phiếu biểu quyết bao gồm: các vấn đề cần được biểu quyết, tên cổ đông hoặc người được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Phiếu biểu quyết sẽ bao gồm các nội dung cần được thông qua tại Đại hội theo chương trình nghị sự đã được thông qua.

- Khi được phát phiếu biểu quyết, cổ đông/đại diện cổ đông phải kiểm tra thông tin, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết nhận được, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên phiếu biểu quyết.

- Khi tiến hành biểu quyết, cổ đông/đại diện cổ đông có quyền quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến bằng cách đánh dấu (X) hoặc (V) vào ô tương ứng với lựa chọn của mình cho từng vấn đề cần biểu quyết trên phiếu biểu quyết.

Điều 6. Nội dung biểu quyết được thông qua.

Các nội dung biểu quyết được thông qua khi số cổ phần đồng ý trên số cổ phiếu biểu quyết hợp lệ thu về đảm bảo tỷ lệ theo quy định của Điều lệ công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

PHẦN III: KIỂM PHIẾU VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ

Điều 7. Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu.

1. Ban Kiểm phiếu:

- Việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện thông qua Ban Kiểm phiếu. Ban Tổ chức Đại hội sẽ chuẩn bị và đề xuất với ĐHĐCĐ một Ban Kiểm phiếu để chịu trách nhiệm: Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; Giới thiệu và phát phiếu bầu, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc trong quá trình biểu quyết; Tiến hành kiểm phiếu; Công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội. Ban Kiểm phiếu này sẽ được các cổ đông tham dự Đại hội thông qua tại Đại hội theo hình thức biểu quyết công khai.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu:

- Trước khi bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra tình trạng hòm phiếu trước sự chứng kiến của cổ đông.

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có thông báo của đại diện Ban Kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu biểu quyết vào hòm phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm thông báo tùy thuộc vào sự việc nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được Ban Kiểm phiếu niêm phong.

3. Quy định về kiểm phiếu:

Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu theo quy định như sau:

- Ban Kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng làm việc/khu vực riêng;
- Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
- Kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu biểu quyết;
- Kiểm tra lần lượt từng phiếu biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu;
- Niêm phong toàn bộ các phiếu biểu quyết và bàn giao lại cho Chủ tọa.

Điều 8. Lập và công bố biên bản kiểm phiếu.

Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả biểu quyết và lập thành Biên bản Kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu sẽ được các thành viên của Ban Kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

Nội dung Biên bản Kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung: Thành phần Ban Kiểm phiếu; thời gian, địa điểm tiến hành kiểm phiếu; tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội; Tổng số phiếu phát ra; tổng số phiếu thu về; Tổng số phiếu không hợp lệ; Tổng số phiếu hợp lệ; Tổng số phiếu đồng ý hoặc không đồng ý hoặc không có ý kiến và tỷ lệ biểu quyết cho tương ứng với từng nội dung biểu quyết; chữ ký của thành viên Ban Kiểm phiếu.

Toàn văn Biên bản Kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội. Trưởng Ban Kiểm phiếu có thể thay mặt Chủ tọa công bố kết quả biểu quyết.

PHẦN IV: KHIẾU NẠI VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 9. Khiếu nại

Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết được xem xét ngay tại Đại hội. Trường hợp có bất đồng về thủ tục biểu quyết hoặc kết quả biểu quyết Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.

Điều 10. Hiệu lực thi hành.

Thê lệ biểu quyết này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin thông qua.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Phạm Công Hương

TẬP ĐOÀN CN THAN – KS VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
THAN VÀNG DANH – VINACOMIN

Số: 01 /BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2019
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH NĂM 2020

Kính thưa: Các Quý vị cổ đông

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin đã được đại hội đồng cổ đông thông qua;

Thực hiện chức trách nhiệm vụ Hội đồng quản trị giao, Giám đốc Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, nhiệm vụ giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

Phần I

KẾT QUẢ SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2019

1. Tình hình chung

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2019 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu. Sự biến động khó lường trên thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế, giá dầu diễn biến phức tạp tác động đến tăng trưởng tín dụng, tâm lý và kỳ vọng thị trường. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực trong năm 2018, kinh tế vĩ mô ổn định nhưng cũng phải đối mặt không ít khó khăn, thách thức với thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng cây trồng; ngành chăn nuôi gặp khó khăn với dịch tả lợn châu Phi diễn ra tại tất cả 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tăng trưởng chậm lại của một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực; giải ngân vốn đầu tư công không đạt kế hoạch.

Xác định năm 2019 là năm “bứt phá” phấn đấu thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 với phương châm hành động “Kỷ cương, liên chính, hành động, sáng tạo, bứt phá, hiệu quả”, Chính phủ đã ban hành nhiều Nghị quyết, chỉ thị về phát triển kinh tế xã hội và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, cắt giảm thủ tục hành chính... Nhờ đó kinh tế năm 2019 tiếp tục tăng trưởng và đạt ở mức cao.

Năm 2019, Tập đoàn TKV nói chung và Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin nói riêng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: Cơ chế chính sách chỉ đạo của Trung ương đến Chính phủ có nhiều sự thay đổi, đòi hỏi phải đổi mới về quản trị, mô hình quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tình trạng thiếu hụt lao động làm việc trong hầm lò (đặc biệt là thợ lò, thợ cơ điện lò); giá cả vật tư đầu vào như sắt thép, các loại thuế, phí tiếp tục tăng cao, đó là những khó khăn thách thức không nhỏ cho SXKD. Song với tinh thần "Kỷ luật và Đồng tâm" của người thợ mỏ dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, bộ máy điều hành đã chủ động, sáng tạo, quyết liệt cùng với sự nỗ lực, cố gắng của CBCN người lao động trong toàn Công ty thực hiện tốt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

2. Kết quả SXKD của Công ty năm 2019 (có biểu chi tiết kèm theo)

- Than nguyên khai sản xuất 3.454.255/ 3.150 tấn, bằng 109,7% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2019, bằng 123,4 % so với năm 2018; trong đó:

+ Than hầm lò sản xuất 2.996.214/2.700.000 tấn, bằng 111,0% so với nghị quyết của ĐHCĐ năm 2019, bằng 117,5% so với năm 2018;

+ Than lộ via: 199.968/200.000 tấn, bằng 100% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2019, bằng 197,1% so với năm 2018;

+ Than giao thầu: 258.073/250.000 tấn, bằng 103,2% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2019, bằng 173,8 % so với năm 2018;

- Mét lò đào mới: 34.186/30.780 m, bằng 111,1% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2019, bằng 113,9% so với năm 2018;

- Than sạch sản xuất: 2.993.820/2.677.500 tấn, bằng 111,8% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2019, bằng 124,9% so với năm 2018;

- Bóc đất đá lộ via: 2.722.970/2.130.000 m³, bằng 127,8% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2019, bằng 288,7% so với năm 2018.

- Tiêu thụ than: 2.962.427/2.677.000 tấn, bằng 10,7% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2019, bằng 108,4% so với năm 2018.

- Doanh thu tổng số: 4.545.506/3.933.043 triệu đồng, bằng 115,2% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2019, bằng 106,5% so với năm 2018.

- Giá thành và giá bán:

+ Giá thành sản xuất: 1.406.423 /1.464.515 đồng/ tấn; bằng 96,03 % so năm 2018;

+ Giá thành tiêu thụ: 1.498.780/ 1.518 đồng/ tấn; bằng 98,71 % so năm 2018;

+ Giá bán bình quân: 1.534.432/1.557.77 đồng/ tấn; bằng 98,5% so năm 2018;

- Tiền lương và thu nhập:

+ Thu nhập lương bình quân: 16.068.000/13.300.000 đồng/người-tháng, bằng 128,81% so với năm 2018.

+ Lao động sử dụng bình quân trong năm: 5.542 người/KH 5.802 người, bằng 95,5 %;

- Công tác đầu tư: Giá trị thực hiện ĐTXD: 287,78/414,56 tỷ đồng bằng 69,4% kế hoạch (theo số liệu báo cáo tài chính).

2.10- Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước: Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, tổng số tiền nộp ngân sách năm 2019 là 995,0/ 930,87 tỷ đồng, bằng 106,8% so với năm 2018.

2.11- Hiệu quả sản xuất kinh doanh: Công ty đã tiến hành thuê kiểm toán độc lập thực hiện chế độ kiểm toán theo quy định. Lợi nhuận trước thuế: 93,15/52,79 tỷ đồng, bằng 176,4 % so với Nghị quyết của năm ĐHCĐ năm 2019, bằng 109,25% so với năm 2018;

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

- Hệ số nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn: 79,66% , năm 2018 là 81,15%;

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản: 2,32%, năm 2018 là 2,05%;

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn CSH: 13,49%; năm 2018 là 13,87%;

2.12. Một số công việc khác.

- Về tổ chức điều hành: Ngay từ đầu năm, Công ty đã tập trung triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHCĐ thông qua; đề ra cơ chế điều hành và các giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, chủ động cân đối sản xuất-tiêu thụ phù hợp, tăng cường sản xuất các chủng loại than thị trường có nhu cầu cao; Tập trung điều hành sản xuất theo nhu cầu tiêu thụ, Công ty đã chủ động sản xuất tăng 304.255 tấn so với kế hoạch đầu năm để đáp ứng nhu cầu than của TKV và thị trường.

- Về công tác tổ chức sản xuất: Trên cơ sở đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017-2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua, Công ty đã tiến hành tái cơ cấu sản xuất đã sáp nhập phân xưởng Lộ thiên vào phân xưởng CGXD để bổ sung nguồn lực lao động cho các đơn vị khác, giảm đầu mối gián tiếp điều hành;

- Về quản trị doanh nghiệp: Thực hiện nhiều giải pháp quản lý kỹ thuật, điều hành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; quản trị chi phí, quản lý vật tư, lao động tiền lương, kế toán thống kê, quản lý dòng tiền; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện một số quy chế liên quan đến quản lý của Công ty phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và quy định của Tập đoàn, của Nhà nước.

- Về quản lý tài nguyên, ranh giới mỏ: Công ty đã triển khai thực hiện nhiều biện pháp quản lý, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên than, không để thất thoát. Trong năm không để xảy ra khai thác than trái phép trong phạm vi ranh giới mỏ Công ty được giao quản lý.

Phần II

KẾ HOẠCH VÀ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH SX-KD NĂM 2020

1. Tình hình chung

Bước vào đầu năm 2020 tình hình kinh tế xã hội có nhiều biến động do dịch covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường chưa dự báo được thời điểm kết thúc, quy mô cũng như phạm vi tác động của dịch. Đặc biệt là đang bùng phát tại Nhật Bản, Hàn Quốc, EU,... là các thị trường đối tác quan trọng của Việt Nam. Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt kịp thời của Chính phủ, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực quyết tâm, quyết liệt của toàn đảng, toàn dân, toàn quân ta, tình hình dịch Covid-19 ở nước ta thời gian qua được kiểm soát tốt, không lây lan trong cộng đồng, góp phần quan trọng trong việc ổn định tâm lý nhân dân, doanh nghiệp. Thị trường tiền tệ, ngoại hối ổn định, cân đối cung cầu ngoại tệ thuận lợi, thu ngân sách đạt khá

Tuy nhiên, trước những diễn biến phức tạp và khó lường của dịch Covid - 19 cùng những ảnh hưởng cộng hưởng từ khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn đang có nhiều tác động tiêu cực đến các hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ du lịch ở nước ta. Trong những tháng tới của năm 2020, đòi hỏi cần triển khai quyết liệt hơn và có các giải pháp mạnh mẽ hơn để ứng phó với tác động của dịch Covid -19 nhằm tháo gỡ khó khăn, duy trì sản xuất, kinh doanh, ổn định tâm lý người dân và đảm bảo an sinh xã hội.

Năm 2020, Dự báo nhu cầu tiêu thụ than có sự tăng trưởng mạnh mẽ đối với tất cả các ngành sử dụng. Bên cạnh đó dự báo giá bán than xuất khẩu năm 2020 có xu hướng tăng so với năm 2019. Đó là những yếu tố quan trọng để các đơn vị trong TKV thúc đẩy sản xuất, nâng cao hiệu quả SXKD.

2. Đối với Công ty

a) Khó khăn

Cùng với việc cả nước phòng, chống dịch Covid -19, Công ty tổ chức sản xuất ngay từ những ngày đầu năm, tuy nhiên sản lượng than khai thác của Công ty tập trung sản xuất ở 2 khu vực Giếng Vàng Danh, Giếng Cánh Gà, diện sản xuất ngày càng xuống sâu hơn và vào xa hơn, điều kiện địa chất; thông gió, thoát nước phức tạp làm ảnh hưởng lớn đến công tác khai thác đào lò, phát sinh thêm nhiều chi phí, làm cho giá thành sản xuất tăng cao. Trong khi đó việc tuyển dụng thợ lò gặp rất nhiều khó khăn; ngoài ra thời tiết dự báo diễn biến khó lường; giá cả đầu vào dự báo có xu hướng tăng cao trở lại, các chi phí bảo vệ môi trường, thuế, phí,... tăng cao, gây nhiều khó khăn cho việc điều hành thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020.

b) Thuận lợi

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo, điều hành và tháo gỡ khó khăn của Tập đoàn, sự ủng hộ, giúp đỡ của chính quyền địa phương, sự chia sẻ của các đối tác, bạn hàng là những điều kiện thuận lợi để Công ty thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020.

Nhu cầu tiêu thụ than của thị trường và giá bán than xuất khẩu tăng so với năm 2019; Năm 2019 kết quả SXKD về cơ bản hoàn thành vượt mức kế hoạch mà ĐHĐCĐ đề ra, việc làm và thu nhập CNCB được duy trì ổn định; Những kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý, điều hành của năm 2019 và mô hình tổ chức, cơ chế quản lý, tái cơ cấu trong những năm qua từng bước được hoàn thiện; cơ sở hạ tầng, môi trường khu mỏ được cải thiện đáng kể tạo điều kiện thuận lợi để bước vào thực hiện kế hoạch năm 2020

3. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2020 | Ghi chú |
|------|----------------------|----------|-------------------|---------|
| I | Than nguyên khai | 1000 tấn | 3.350 | |
| 1 | Than hầm lò | " | 2.900 | |
| 2 | Than lộ thiên | " | 200 | |
| 3 | Than giao thầu | " | 250 | |
| II | Than sạch | 1000t | 3.225 | |
| III | Mét lò mới | mét | 33.380 | |
| V | Bóc đất đá | 1000 m3 | 750 | |
| VI | Đầu tư xây dựng | tr.đ | 361.459 | |
| VII | Tiêu thụ | 1000 tấn | 3.225 | |
| VIII | Doanh thu than | tỷ.đ | 4.693,5 | |
| IX | Lợi nhuận trước thuế | tỷ.đ | 62,6 | |

4. Mục tiêu, giải pháp điều hành kế hoạch 2020:

4.1. Mục tiêu điều hành kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty là: Sản xuất than đảm bảo an toàn, đáp ứng tối đa nhu cầu tiêu thụ than của thị trường, đầu tư hợp lý, triển khai thực hiện hiệu quả Đề án tái cơ cấu, đổi mới kỹ thuật công nghệ, hoàn thiện tổ chức, cơ chế quản lý, tinh giản lao động để tăng suất, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, hiệu quả, bền vững. Cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, đặc biệt là đội ngũ thợ lò. Mục tiêu chung là **“AN TOÀN - ĐỔI MỚI - PHÁT TRIỂN”**.

4.2 Các giải pháp điều hành kế hoạch 2020:

Căn cứ mục tiêu, các giải pháp nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả kinh doanh giai đoạn 2016+2020; Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017-2020 đã được TKV thông qua; giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2020 của Tập đoàn; Nghị quyết của Đảng ủy, HĐQT và tình hình cụ thể của Công ty. Các đơn vị trong Công ty tổ chức triển khai chỉ đạo, điều hành, thực hiện kế hoạch SXKD theo các giải pháp trọng tâm chủ yếu sau:

a) Về tổ chức, quản lý, điều hành sản xuất- tiêu thụ:

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất 3,35 triệu tấn than nguyên khai, Công ty chủ động điều hành, cân đối hài hòa giữa sản xuất - tiêu thụ đáp ứng nhu cầu tiêu thụ than của thị trường.

Tiếp tục thực hiện chỉ đạo, điều hành sản xuất theo nguyên tắc "Chủ động - Sáng tạo - Quyết liệt" trên cơ sở điều kiện sản xuất của Công ty, của từng đơn vị, từng dây chuyền, với phương châm tạo mọi điều kiện tốt nhất cho sản xuất.

Tổ chức kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu công nghệ, định mức kỹ thuật; Quản lý chặt chẽ từ khâu lập kế hoạch đến nghiệm thu và có giải pháp tối ưu các chỉ tiêu công nghệ, thông số kỹ thuật để phát huy năng suất, công suất thiết bị, giảm tối đa khối lượng phát sinh ngoài kế hoạch;

b) Về hoàn thiện mô hình tổ chức và đổi mới quản trị Công ty:

+ Căn cứ đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017 - 2020, văn bản chỉ đạo của TKV để triển khai tinh giảm các đầu mối gọn nhẹ, phù hợp (năm 2020 giảm 01 đầu mối phòng ban để đảm bảo mô hình của TKV 15 phòng và sáp nhập Trạm y tế về phòng TCLĐ). Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ cấu các phòng ban chức năng, phân xường, từ đó định biên số lượng lao động một cách hợp lý, tiết kiệm, tinh giảm lực lượng lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ. Tập trung lao động cho sản xuất chính, phù hợp với định mức, định biên do TKV ban hành và điều kiện thực tế của Công ty.

+ Nâng cao ý thức trách nhiệm "Tận tâm - Tận lực" trong công việc của từng CBCNVLĐ trong Công ty để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Phải đổi mới cách nghĩ, cách làm. tự duy sáng tạo trong công việc, để hoàn thành nhiệm vụ, công việc được giao một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất và an toàn nhất.

c) Về công tác đầu tư:

Tập trung đẩy nhanh tiến độ đầu tư và đưa vào sử dụng các công trình: Cải tạo công nghệ Nhà máy tuyển Vàng Danh 1; đầu tư hệ thống tự động hóa các tuyển băng tải khu Giếng Vàng Danh và các trạm quạt gió chính; hệ thống điều hòa sử dụng hơi nước bão hòa khu Cánh gà; các dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất, dự án đầu tư thiết bị đào lò năm 2019; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng, thiết bị phục vụ tiếp nhận than từ mỏ Đồng Vông đến Nhà máy tuyển than Vàng Danh 2; dự án Đầu tư nâng cấp hệ thống điện điều khiển và tự động hóa nhà máy tuyển than Vàng Danh 1.

- Tập trung triển khai công tác chuẩn bị dự án: Dự án khai thác hầm lò phần lò giếng mức -50/-175 khu Cánh gà, Mỏ than Vàng Danh; dự án đầu tư xây dựng công trình khu phục vụ điều hành sản xuất trung tâm Vàng Danh; cải tạo mở rộng khai thác lộ thiên V4 - V8a

- Tăng cường việc kiểm tra, giám sát chất lượng các hạng mục, công trình XDCB đảm bảo chất lượng và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước;

- Thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục trình tự đầu tư theo quy định của pháp luật, của Nhà nước và của TKV; chú trọng nâng cao chất lượng thẩm định, phê duyệt dự án, kiểm soát chặt chẽ định mức kinh tế kỹ thuật, chế độ chính sách về XDCB, không để xảy ra sai sót, nhầm lẫn.

Nâng cao chất lượng giám sát, nghiệm thu, kiểm soát tiến độ, chất lượng thi công các công trình xây dựng đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ và hiệu quả của các dự án. Đồng thời tổ chức quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả các công trình đầu tư đã hoàn thành.

d) Về quản trị tài nguyên:

Tăng cường việc nghiên cứu chỉnh sửa tài liệu địa chất nguyên thủy cho sát với thực tế, giảm thiểu các rủi ro khách quan do yếu tố địa chất, đẩy mạnh tiến độ khoan thăm dò phục vụ sản xuất nhằm bổ sung tài liệu phục vụ khai thác. Hoàn thành báo cáo địa chất thăm dò cơ giới hóa mức -175 Cánh gà; báo cáo địa chất thăm dò bổ sung mức -350.

Quản lý chặt chẽ tài nguyên, số lượng, chất lượng than ở tất cả các công đoạn sản xuất từ trong vỉa đến khi khai thác, sàng tuyển, bốc xếp tiêu thụ; Giảm tỷ lệ tổn thất than trong công nghệ khai thác, nâng cao tỷ lệ thu hồi than bằng các biện pháp kỹ thuật công nghệ.

e) Đẩy mạnh áp dụng công nghệ mới công nghệ khai thác than:

Đẩy mạnh việc nghiên cứu đổi mới công nghệ, đặc biệt là công nghệ khai thác và đào lò nhằm tăng năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao mức độ an toàn, tiết kiệm tài nguyên, giảm thiểu lao động thủ công trong các công đoạn khai thác, đào lò và vận tải nội; triển khai áp dụng các công nghệ khai thác mới trong các điều kiện địa chất phức tạp (vỉa dày, dốc, vỉa mỏng,...), cụ thể: (i) Tiếp tục áp dụng công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện địa chất của Công ty như lò chợ máy khâu, lò chợ giá khung ZH, lò chợ khâu chống giàn mềm ZRY, ... giảm dần công nghệ khâu buồng, đào lò lấy than, lò chợ chống gỗ, để nâng cao mức độ đảm bảo an toàn và công suất lò chợ, phấn đấu công suất lò chợ bình quân chung tăng 5% so với năm 2019; (ii) Tiếp tục thực hiện tự động hóa các tuyến băng tải, trạm quạt, các hầm bơm và hệ thống cửa gió; cải thiện điều kiện đi lại làm việc trong hầm lò cho công nhân bằng các biện pháp điều chỉnh ga đưa đón song loan chở người phù hợp với tiến độ sản xuất, phấn đấu không để công nhân đi bộ quá 300m; duy trì hoạt động ổn định các hệ thống tời DKNU ở giếng Cánh gà, tời vô cực ở giếng -175, các hệ thống vận tải Monoray, song loan chở người, tời hỗ trợ người đi bộ để chở người và vật liệu.

f) Công tác cơ điện, vận tải và sàng tuyển

- Tăng cường củng cố, sửa chữa duy tu thiết bị để duy trì hoạt động ổn định, chính xác của các hệ thống dây chuyền, thiết bị vận tải từ trong hầm lò ra ngoài mặt bằng; đặc biệt

tuyến dây chuyên vận tải giếng Vàng Danh, giếng Cánh Gà; hệ thống sàng tuyển, hệ thống điện dự phòng để đáp ứng nhu cầu sản xuất;

- Nâng cao chất lượng lập các biện pháp, thiết kế và giám sát thi công đảm bảo chất lượng KTCB; cán bộ lập biện pháp phải tính toán đầy đủ các chủng loại thiết bị có công suất phù hợp với nhu cầu sử dụng, giảm đến mức thấp nhất về số lượng, chủng loại thiết bị trong dây chuyền, lựa chọn phương án vận tải tối ưu (ưu tiên dùng băng tải ở những tuyến vận tải cố định có thời gian duy trì dài); hạn chế tối đa thiết bị chạy non tải; tiếp tục tự động hóa hệ thống điều khiển tuyển băng tải về nhà máy tuyển, biến tần và đấu nối liên động các dây chuyền vận tải, để nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị, giảm nhân công và tiết kiệm điện năng.

- Tổ chức điều hành, cân đối sàng tuyển than phù hợp giữa Nhà Máy sàng tuyển Vàng Danh I và Vàng Danh II; Sàng tuyển chế biến pha trộn ra các chủng loại than đáp ứng tối đa theo yêu cầu tiêu thụ của TKV, nguyên tắc chung là than nguyên khai sản xuất ra đến đâu phải sàng tuyển hết đến đó, hạn chế tối đa việc đổ than nguyên khai ra kho bãi, làm tăng chi phí bốc xếp, vận chuyển. Đồng thời, phải đảm bảo chất lượng và hệ số thu hồi than sạch.

g) Công tác quản trị chi phí.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán, quản trị chi phí nhằm tạo động lực, thúc đẩy các đơn vị thực hiện tiết kiệm chi phí, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị: (i) Hoàn thiện mô hình, phương pháp khoán quản trị chi phí cho tất cả các công trường, phân xưởng, các công đoạn sản xuất, hoàn thiện hệ thống định mức khoán (xây dựng bộ định mức áp dụng trong Công ty); (ii) Kiểm soát, xiết chặt quản trị chi phí trong tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là kiểm soát việc mua sắm vật tư đầu vào phải đảm bảo nguyên tắc chất lượng tốt nhất, giá hợp lý, hồ sơ thủ tục đúng quy trình, quy định hiện hành; (iii) Chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện các biện pháp thu hồi vật tư, thiết bị ở các đơn vị sản xuất, để sửa chữa phục hồi tận dụng lại, tái chế phục vụ sản xuất, giảm chi phí mua mới, nâng cao chất lượng vật tư, thiết bị tái chế, phục hồi nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tiết kiệm chi phí.

h) Quản lý và sử dụng vốn:

Huy động và sử dụng vốn cho các dự án đầu tư theo kế hoạch, đúng mục đích, hiệu quả và an toàn tài chính;

Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền và nguồn vốn tránh rủi ro về tài chính; chú trọng công tác kế toán quản trị để kịp thời cung cấp thông tin phục vụ điều hành và đưa ra các quyết định quản lý phù hợp;

Quản lý tốt tài sản, nguồn vốn, điều hành linh hoạt, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn vốn nhằm bảo toàn và phát triển vốn.

i) Lao động và tiền lương

Tiếp tục tổ chức rà soát xác định lại định biên lao động cho từng công đoạn sản xuất, các khâu quản lý, phục vụ, công tác quản lý tiền lương, tiền thưởng, đảm bảo tỷ trọng quỹ lương giữa các khối, hệ số giãn cách giữa các chức danh ngành nghề theo đúng quy định và mô hình mẫu của TKV

Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực như đào tạo lại, đào tạo chuyên sâu, đào tạo công nhân lành nghề và dần chuyển từ làm bạn sang làm chủ thiết bị cơ giới hóa, tự động hóa; nghiên cứu chế độ chính sách mới của nhà nước để có bước đột phá trong công tác chăm lo đời sống, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, đồng thời có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng dân cư trên địa bàn;

Tiếp tục triển khai áp dụng KPIs để trả lương đối với cán bộ nhân viên các phòng, trạm nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc đối với bộ phận tham mưu, quản lý; đối với bộ phận còn lại trả lương sản phẩm trực tiếp và có cơ chế khuyến khích tiền lương hợp lý, nâng cao thu nhập cho người lao động, đặc biệt là thợ lò để đạt 01 triệu đồng/công khi đảm bảo năng suất lao động nhằm tạo động lực thúc đẩy tăng năng suất lao động, thực hiện mục tiêu **“Doanh nghiệp ít người - Trả lương cao”**;

j) Công tác thanh tra, bảo vệ: Tăng cường kiểm tra quản lý, bảo vệ trật tự ranh giới mỏ, quản lý than; chú trọng công tác bảo vệ vật tư, tài sản của Công ty, giữ vững an ninh trật tự xã hội trong khu mỏ; kiểm tra quản lý lao động, phân phối tiền lương, thưởng ở các đơn vị; kiểm tra quản lý công tác thuê ngoài, mua bán vật tư, thiết bị và công tác nghiệm thu thanh quyết toán.

Phối hợp chặt chẽ với Chính quyền địa phương và các đơn vị trên địa bàn để quản lý tốt tài nguyên, tài sản của Công ty, ngăn chặn kịp thời các hành vi khai thác than trái phép.

k) Về đời sống lao động và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Tiếp tục thực hiện việc đưa đón CBCNV từ nơi ở đến vị trí làm việc. Duy trì tốt việc chăm sóc người lao động từ ăn định lượng, tắm giặt, vui chơi, giải trí, thăm quan, nghỉ dưỡng và khám chữa bệnh.

Làm tốt công tác từ thiện giúp đỡ những gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn: Xây dựng các nhà tình nghĩa và tặng các phần quà cho người nghèo nhân ngày tết cổ truyền của dân tộc.

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các cơ quan doanh nghiệp trên địa bàn trong các hoạt động cộng đồng tạo một sự gắn kết và phát triển hài hòa.

Trên đây là toàn bộ những nội dung Báo cáo về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và nhiệm vụ, giải pháp điều hành năm 2020 của Công ty, xin trân trọng báo cáo trước Đại hội./.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty;
- Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Phòng CV (Đăng trên Website);
- Lưu VT, HĐQT.

Giám đốc

Phạm Văn Minh

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019, nhiệm vụ, giải pháp năm 2020)

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH ĐHCĐ thông qua | Thực hiện | So sánh TH/KH (%) |
|-----|------------------|----------------|----------------------|-----------|----------------------|
| 1 | Than nguyên khai | tấn | 3.150.000 | 3.454.255 | 109,7 |
| | - Than hầm lò | " | 2.700.000 | 2.996.214 | 111,0 |
| | - Than lộ thiên | " | 200.000 | 199.968 | 100 |
| | - Than giao thầu | " | 250.000 | 148.463 | 148,5 |
| 2 | Than sạch | " | 2.094.000 | 258.703 | 103,2 |
| 3 | Mét lò mới | Mét | 30.780 | 34.186 | 111,1 |
| 5 | Bóc đất đá | m ³ | 2.130.000 | 2.722.790 | 127,8 |
| 6 | Than tiêu thụ | Tấn | 2.677.000 | 2.962.427 | 110,7 |
| 7 | Đầu tư xây dựng | triệu đồng | 414.561 | 287.784 | 69,4 |
| 8 | Doanh thu | tỷ.đ | 3.933 | 4.545,5 | 115,5 |
| | Lợi nhuận | tỷ.đ | 52,794 | 93,15 | 176,4 |

Số: 02/BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019,
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2020

Kính gửi: Các Quý vị Cổ đông

Căn cứ chức năng quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh- Vinacomin và Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng. HĐQT Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2019, phương hướng nhiệm vụ HĐQT năm 2020 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2019:

Năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Trong năm Hội đồng quản trị đã thực hiện 24 lần tổ chức họp và ban hành 24 Nghị quyết liên quan đến sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị. Các kỳ họp Hội đồng quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện đáp ứng yêu cầu, mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra. (phụ lục các cuộc họp HĐQT kèm theo).

Về nhiệm vụ giám sát của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng Quản trị đã tăng cường công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cận bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT đề ra. Ngoài ra, HĐQT còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, triển khai đồng thời việc tiêu chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị; tăng cường kiểm tra giám sát việc thực thi các quy trình quy chế này trong mọi hoạt động của Công ty.

- Ban lãnh đạo, cán bộ phụ trách các phòng ban, bộ phận trực thuộc đã tiến hành nghiêm túc việc kiểm tra định kỳ, đột xuất nên đã không xảy ra thiệt hại về mặt vật chất, sai phạm trong công tác, hạn chế đến mức thấp nhất việc lãng phí, cũng như các rủi ro tác nghiệp.

* **Tóm lại:** Năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, các thành viên HĐQT đã phát huy hết khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA HĐQT TRONG NĂM 2020.

Trên cơ sở nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao và điều kiện sản xuất thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 2020, cụ thể như sau:

1. Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đạt các chỉ tiêu như trong báo cáo của Ban Giám đốc về kế hoạch thực hiện năm 2020 đã nêu.

2. Tập trung thực hiện các dự án đầu tư xây dựng năm 2020 theo kế hoạch đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và chất lượng, tiến độ, hiệu quả đầu tư của các công trình.

3. Tập trung đầu tư và chỉ đạo kiên quyết giữ vững an toàn trong sản xuất;

4. Tiếp tục triển khai đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017 - 2020 hướng tới cơ cấu tổ chức sản xuất gọn nhẹ, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời phải xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể, có cơ chế khuyến khích phù hợp, tạo môi trường thuận lợi để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài của Công ty.

5. Rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước và pháp luật... Tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc quản lý sản xuất để tiết giảm chi phí trên cơ sở quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, chất lượng sản phẩm.

6. Tiếp tục duy trì và phát triển văn hóa theo hướng hiện đại gắn với kỷ luật đồng tâm, truyền thống vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp Chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019, phương hướng năm 2020, Hội đồng quản trị xin báo cáo Quý vị cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty;
- Ủy viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Phòng CV (Đăng trên Wetsite);
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Phạm Công Hương

CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(kèm theo báo cáo hoạt động của HĐQT)

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|-------------------------|------------|--|
| 1 | Số: 01/2019/NQ- HĐQT | 07/01/2019 | <p>1. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty;</p> <p>2. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 1 năm 2019;</p> <p>3. Thông qua Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 của Công ty:</p> <p>a) Kế hoạch chuẩn bị, thực hiện dự án đầu tư, dự phòng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng mức đầu tư :407.911 triệu đồng. + Xây lắp :67.699 triệu đồng + Thiết bị : 324.642 triệu đồng; + Chi phí tư vấn, khác : 15.570 triệu đồng <p>b) Kế hoạch vốn trả nợ khối lượng đã thực hiện năm trước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng mức đầu tư: 6.650 triệu đồng. + Thiết bị : 5.000 triệu đồng + Chi phí tư vấn, khác : 1.650 triệu đồng <p>4. Thông qua đề Giám đốc Công ty hợp đồng giao thầu khai thác năm 2019 cho các đơn vị theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của TKV.</p> <p>5. Thông qua việc xử lý các khoản nợ phải thu tồn đọng trên sổ kế toán:</p> <p style="padding-left: 40px;">Xử lý khoản nợ phải thu khó đòi đối với các cá nhân đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật từ tháng 7 năm 2014 đến tháng 6 năm 2015, tổng số tiền là 1.687.118 đồng.</p> <p>6. Thống nhất thông qua đề Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty báo cáo TKV về chủ trương bổ nhiệm Phó giám đốc Công ty từ nguồn nhân sự tại chỗ của Công ty.</p> |

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------------|------------|--|
| 2 | 02/2019/NQ-HĐQT | 26/01/2018 | <p>1. Phê duyệt đề cương- dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (BCNCKT) dự án khai thác hầm lò phần lò giếng mức -50/-175 khu Cảnh gà, Mỏ than Vàng Danh ;</p> <p>2. Ban hành Hệ thống Thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.</p> |
| 3 | 03/2019/NQ-HĐQT | 26/02/2019 | <p>1. Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 với nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thời gian tổ chức đại hội: dự kiến ngày 26/04/2019;</p> <p>b) Địa điểm: Hội trường công ty Cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin, số 969 đường Bạch Đằng, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;</p> <p>c) Các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông: theo tài liệu trình ĐHCĐ thường niên</p> <p>2. Thông qua công tác cán bộ của Công ty:</p> <p>a) Bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng phòng Kỹ thuật khai thác đối với ông Trần Văn Thức;</p> <p>b) Điều động, bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng, Phòng Điều khiển sản xuất đối với ông Đàm Hữu Thắng;</p> <p>c) Điều động, bổ nhiệm chức vụ Quản đốc, phân xưởng KTI đối với ông Nguyễn Văn Kiên;</p> <p>3. Thông qua Quy chế quản lý công tác vật tư của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin</p> |
| 4 | 04/2019/NQ-HĐQT | 18/03/2019 | <p>1. Thông qua để Giám đốc Công ty quyết định:</p> <p>- Bổ nhiệm lại chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch đối với ông Vũ Bình Ty;</p> <p>- Bổ nhiệm lại chức vụ Quản đốc phân xưởng K4 đối với ông Phan Minh Thủy;</p> <p>- Bổ nhiệm lại chức vụ Quản đốc phân xưởng K11 đối với ông Đinh Hồng Quảng;</p> <p>2. Thông qua danh sách quy hoạch cán bộ chủ chốt các</p> |

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------------|------------|---|
| | | | <p>đơn vị trong Công ty giai đoạn 2018 - 2020 (rà soát, bổ sung năm 2019).</p> <p>Giao cho Giám đốc Công ty ký quyết định phê duyệt danh sách quy hoạch để triển khai thực hiện.</p> <p>3. Cử cán bộ quản lý công ty đi tham quan, học tập kinh nghiệm sản xuất tại nước ngoài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước đến: Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất; - Thời gian: khoảng 06 ngày, kể từ ngày xuất cảnh trong tháng 4 năm 2019; <p>4. Phê duyệt thực hiện chế độ ăn định lượng đối với người lao động như sau:</p> <p>a) Công ty vận dụng các nội dung quy định trong Quyết định số 43/2012/QĐ-TTg ngày 12/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 234/QĐ-TTg ngày 26/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đặc thù đối với công nhân, nhân viên, viên chức một số ngành nghề trong công ty nhà nước để áp dụng và thực hiện đối với người lao động trong công ty.</p> <p>b) Việc tổ chức ăn định lượng cho công nhân làm việc trong hầm lò, công ty thỏa thuận với Ban chấp hành Công đoàn Công ty về mức ăn cụ thể cho phù hợp nhưng mức bình quân không thấp hơn 65.000 đồng/suất và không phân biệt giữa các vị trí làm việc trong hầm lò.</p> <p>c) Trường hợp mức ăn định lượng do NSDLĐ chi đã đảm bảo định lượng phù hợp và Ban chấp hành Công đoàn Công ty thống nhất thì người lao động không phải đóng góp 30% mức ăn theo mức được hưởng cho NSDLĐ;</p> <p>5. Thông qua Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.</p> |
| 5 | 05/2019/NQ-HĐQT | 22/03/2019 | <p>- Bổ nhiệm ông Phạm Thế Hưng - Trưởng phòng, Trợ lý giám đốc công ty giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin;</p> |
| 6 | 06/2019/NQ-HĐQT | 29/03/2019 | <p>1. Phê duyệt kết quả sản xuất kinh doanh quý 1, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2 năm 2019;</p> |

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------------|------------|---|
| | | | <p>2. Thông qua nội dung, chương trình, tài liệu Đại hội đồng cổ đông năm 2019:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian từ 8h00 ngày 12/04/2019; - Địa điểm: Công ty Cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin; - Về nội dung, chương trình (theo chương trình gửi kèm tài liệu Đại hội). <p>3. Phê duyệt kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng năm 2019 của Công ty:</p> <p>Kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng năm 2019 với tổng số tiền sử dụng là 22,568 tỷ đồng</p> <p>4. Phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2018;</p> <p>5. Thông qua kế hoạch sử dụng lao động, đơn giá tiền lương, tiền lương người quản lý, thù lao của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty năm 2019.</p> |
| 7 | 07/2019/NQ-HĐQT | 25/04/2019 | <p>Thông qua để Giám đốc Công ty quyết định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ nhiệm lại chức vụ quản đốc phân xưởng Đ1 đối với ông Trần Viết Vũ; - Bổ nhiệm lại chức vụ quản đốc phân xưởng CG-XD đối với ông Võ Ngọc Dũng; <p>2. Phê duyệt phương án huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động vốn để thực hiện đầu tư các dự án: 351,518 tỷ đồng; - Huy động vốn nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 146,3 tỷ đồng; - Huy động vốn lưu động phục vụ SXKD năm 2019: Nhu cầu vốn ngắn hạn (vốn lưu động) bình quân một tháng: 318,28 tỷ đồng. |
| 8 | 08/2019/NQ-HĐQT | 16/05/2019 | <p>Điều chỉnh chuyển bước từ kế hoạch dự phòng lên kế hoạch chính thức (công trình khởi công mới) đối với báo</p> |

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------------|------------|--|
| | | | <p>cáo kính tế kỹ thuật đầu tư công trình đường dây trần 6kV (L=1200m/ tuyến); từ trạm 35 Cánh gà lên cửa lò +130 cánh gà như sau:</p> <p>Tên dự án: Đầu tư công trình đường dây trần 6KV (L=1200m/ tuyến); từ trạm 35 Cánh Gà lên cửa lò +130 Cánh gà.</p> <p>Tổng mức đầu tư : 2.516. triệu đồng.</p> <p>Trong đó: - Chi phí xây dựng :2.085 triệu đồng.</p> <p>- Chi phí tư vấn và chi phí khác ĐTXD : 431 triệu đồng.</p> |
| 9 | 09/2019/NQ-HĐQT | 24/05/2019 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin; 2. Thông qua Quy chế khoán, quản trị chi phí sản xuất kinh doanh trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin; 3. Thông qua Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ khen thưởng trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin; 4. Thông qua Quy chế thi đua Khen thưởng trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin; 5. Thông qua phương án khoán (trên mặt) năm 2019 phục vụ khai thác của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin; |
| 10 | 10/2019/NQ-HĐQT | 30/05/2019 | Miễn nhiệm chức vụ Quản đốc phân xưởng Vận tải lò đối với ông Trịnh Viết Bảo để Giám đốc Công ty quyết định điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó phòng Cơ điện Vận tải; |
| 11 | 11/2019/NQ-HĐQT | 28/06/2019 | <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua dự kiến kết quả SXKD 06 tháng đầu năm 2019 và thông qua kế hoạch SXKD quý III, 09 tháng năm 2019; 2. Thông qua công tác tổ chức và cán bộ của Công ty: <ol style="list-style-type: none"> a) Giải thể phân xưởng Lộ thiên, thời gian thực hiện từ 01/07/2019; |

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------------|------------|--|
| | | | <p>b) Miễn nhiệm chức vụ Quản đốc phân xưởng lộ thiên đối với ông Phạm Tiến Nhật;</p> <p>c) Bổ nhiệm chức vụ Quản đốc phân xưởng Vận tải đối với ông Vũ Hồng Quân;</p> <p>d) Bổ nhiệm lại cán bộ các đơn vị trong Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ nhiệm lại ông Lê Minh Hùng - Quản đốc phân xưởng KT8; - Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Đức Nghiệp - Quản đốc phân xưởng KT15; - Bổ nhiệm lại ông Lê Anh - Quản đốc phân xưởng KT5; - Bổ nhiệm lại ông Phạm Văn Bình - Quản đốc phân xưởng K3; <p>3. Thông qua Quy chế Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin;</p> <p>4. Thông qua nội dung đề Giám đốc Công ty báo cáo Tập đoàn TKV về hiện trạng và kế hoạch triển khai các DADT phát triển mỏ than chưa thực hiện theo QH 403.</p> |
| 12 | 12/2019/NQ-HDQT | 22/07/2019 | <p>1. Thống nhất đề báo cáo TKV kế hoạch ĐTXD năm 2020 và giai đoạn từ năm 2021 đến 2025;</p> <p>2. Bổ sung kế hoạch thực hiện (công trình khởi công mới) đối với dự án đầu tư thiết bị máy combai đào lò - Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin trong kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019;</p> <p>3. Thông qua phương án khoan trong lò năm 2019 phục vụ khai thác - công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.</p> |
| 13 | 13/2019/NQ-HDQT | 26/07/2019 | Thông qua việc thuê ngoài một số công đoạn sản xuất thuộc kế hoạch SXKD năm 2019 của Công ty |
| 14 | 14/2019/NQ-HDQT | 06/08/2019 | 1. Thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư chuyển từ dự phòng lên kế hoạch chính thức và thông qua nội dung dự án đầu tư hệ thống tự động hóa tuyển bãng |

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------------|------------|---|
| | | | <p>tài khu giếng Vàng Danh và các trạm quạt gió chính</p> <p>2. Thông qua phương án khoan thăm dò kiểm soát nước lò chợ CGH 1-8-3A) và thuê ngoài một số công đoạn sản xuất năm 2019;</p> <p>3. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều 11 Quy chế quản lý lao động và tiền lương trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin và yêu cầu Giám đốc Công ty rà soát lại toàn bộ quy chế để ban hành mới thay thế Quy chế quản lý lao động và tiền lương ban hành kèm theo Quyết định số 5041/QĐ-HĐQT ngày 26/12/2018 của Hội đồng quản trị Công ty.</p> |
| | 15/2019/NQ-HĐQT | 22/08/2019 | <p>Thông nhất để người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty báo cáo TKV về việc thay đổi vị trí nhà giao ca trung tâm Vàng Danh</p> |
| | 16/2019/NQ-HĐQT | 27/08/2019 | <p>1. Thông qua dự kiến thực hiện SXKD tháng 8 và kế hoạch SXKD tháng 9 năm 2019</p> <p>2. Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động công tác thanh tra trong Công ty Cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin;</p> <p>3. Thông qua để Giám đốc Công ty quyết định bổ nhiệm lại chức vụ Quản đốc phân xưởng KT7 đối với ông Đỗ Văn Tinh</p> <p>4. Thông qua bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 của Công ty, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư thiết bị tăng năng lực sản xuất năm 2019: Chi phí lập Báo cáo NCKT: 318.000.000 đồng - Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình đầu tư hệ thống quản lý ra vào lò và ăn ca: Chi phí lập báo cáo KTKT: 94.000.000 đồng <p>5. Điều chỉnh, chuyển bước từ kế hoạch dự phòng lên kế hoạch chính thức (công trình khởi công mới) đối với báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư hệ thống điều hòa trung tâm sử dụng năng lượng hơi nước bão hòa khu Cánh gà, nội dung điều chỉnh như biểu kèm theo. Các nội dung khác giữ nguyên như Nghị quyết số</p> |

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------------|------------|---|
| | | | 01/2019/NQ-HDQT ngày 07/01/2019 của Hội đồng quản trị Công ty. |
| | 17/2019/NQ-HDQT | 19/09/2019 | Thống nhất nội dung để Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty báo cáo TKV thông qua và và chuyển bước thực hiện báo cáo NCKT đầu tư thiết bị TNL sản xuất năm 2019 để làm cơ sở triển khai thực hiện. |
| | 18/2019/NQ-HDQT | 01/10/2019 | <p>1. Thông qua dự kiến thực hiện SXKD tháng 9 và Kế hoạch SXKD quý 4, tháng 10 năm 2019;</p> <p>2. Thông qua Quy chế công tác lưu trữ trong Công ty Cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin;</p> <p>3. Thông qua để Giám đốc Công ty quyết định bổ nhiệm lại chức vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản đốc phân xưởng K1 đối với ông Đỗ Văn Nham - Trưởng phòng TĐ-ĐC đối với ông Trần Văn Hạnh <p>4. Nâng bậc lương đối với cán bộ quản lý Công ty, cụ thể như sau:</p> <p>a). Ông: Vương Minh Thu -Số danh bạ: 12424; Sinh ngày 06 tháng 10 năm 1979;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ khai thác mỏ + Cử nhân kinh tế đầu tư; - Chức vụ: Phó giám đốc Công ty; - Bậc lương đang hưởng: 1/2; Mức lương: 8.660.000 đồng; Bảng lương: TKV 09.3 (Phó giám đốc Công ty hạng I). - Thời gian xếp lương: từ ngày 12/6/2015, tính đến ngày 30/9/2019 là tròn 4,3 năm; - Nâng bậc lương mới kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2019: 2/2; Mức lương: 9.137.000 đồng; Bảng lương: TKV 09.3 (Phó giám đốc Công ty hạng I). <p>b). Ông: Nguyễn Văn Dũng -Số danh bạ: 11264; Sinh ngày 10 tháng 7 năm 1973;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán; |

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------------|------------|---|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Chức vụ: Phó giám đốc Công ty; - Bậc lương đang hưởng: 1/2; Mức lương: 8.660.000 đồng; Bảng lương: TKV 09.3 (Phó giám đốc Công ty hạng I). - Thời gian xếp lương: từ ngày 21/4/2016, tính đến ngày 30/9/2019 là 3,4 năm; - Nâng bậc lương mới kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2019: 2/2; Mức lương: 9.137.000 đồng; Bảng lương: TKV 09.3 (Phó giám đốc Công ty hạng I). |
| | 19/2019/NQ-HDQT | 15/10/2019 | <p>1. Thống nhất đề Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty báo cáo TKV thông qua nội dung và chuyên bước thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng thiết bị, hạ tầng phục vụ tiếp nhận than từ mỏ Đồng Vông đến Nhà máy tuyển Vàng Đan 2 để làm cơ sở triển khai thực hiện.</p> <p>2. Thống nhất đề Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty báo cáo TKV xem xét thông qua kế hoạch ĐTXD năm 2019 điều chỉnh.</p> <p>3. Thông qua đề Giám đốc Công ty quyết định: Xử lý kỷ luật đối với ông Đặng Hữu Hùng - Quản đốc phân xưởng KT3 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức độ phạm lỗi: Công tác quản lý vật tư, thiết bị tại đơn vị do mình phụ trách chưa đạt yêu cầu; để chênh lệch số liệu thực tế và số liệu trên sổ sách nhưng không phát hiện và xử lý kịp thời. - Hình thức kỷ luật: Khiển trách (theo điểm 1.8, khoản 1, Điều 39 Nội quy lao động Công ty) |
| | 20/2019/NQ-HDQT | 29/10/2019 | <p>Phê duyệt Bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu số 02: Tư vấn thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành thuộc dự án đầu tư khai thác phân lò giồng mức +0/-175 khu Vàng Danh, Mỏ than Vàng Danh (điều chỉnh)</p> |
| | 21/2019/NQ-HDQT | 06/11/2019 | <p>1. Thông qua Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 điều chỉnh, cụ thể như sau:</p> |

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------|------|--|
| | | | <p>a) Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 theo Nghị quyết số 01/2019.</p> <p>* Kế hoạch chuẩn bị, thực hiện dự án đầu tư, dự phòng:</p> <p>- Tổng giá trị đầu tư: 407.911 triệu đồng.</p> <p><i>Trong đó:</i> + Xây lắp :67.699 triệu đồng</p> <p> + Thiết bị : 324.642 triệu đồng;</p> <p> + Chi phí tư vấn, khác: 15.570 triệu đồng</p> <p>* Kế hoạch vốn - Trả nợ khối lượng đã thực hiện năm trước:</p> <p>- Tổng giá trị đầu tư : 6.650 triệu đồng.</p> <p><i>Trong đó:</i> + Thiết bị : 5.000 triệu đồng</p> <p> + Chi phí tư vấn, khác : 1.650 triệu đồng</p> <p>b. Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 điều chỉnh:</p> <p>* Kế hoạch chuẩn bị, thực hiện dự án đầu tư:</p> <p>- Tổng giá trị đầu tư: 316.858 triệu đồng.</p> <p><i>Trong đó:</i> + Xây lắp : 19.472 triệu đồng</p> <p> + Thiết bị: 288.054 triệu đồng;</p> <p> + Chi phí tư vấn, khác : 9.332 triệu đồng</p> <p>* Kế hoạch vốn - Trả nợ khối lượng đã thực hiện năm trước:</p> <p>- Tổng giá trị đầu tư: 132.973 triệu đồng.</p> <p><i>Trong đó:</i> + Thiết bị : 129.353 triệu đồng</p> <p> + Chi phí tư vấn, khác: 3.6200 triệu đồng</p> <p>2. Phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp công ty giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2020 - 2025 (sau rà soát bổ sung năm 2019).</p> <p>3. Thông qua đề Giám đốc Công ty quyết định:</p> <p>a. Bỏ nhiệm lại chức vụ Trưởng phòng TT-PC đối với bà Trần Thị Kim Oanh.</p> <p>b. Bỏ nhiệm chức vụ Quản đốc phân xưởng Cơ điện lò</p> |

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------------|------------|--|
| | | | <p>đôi với ông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên: Trần Huy Tuấn - Số danh bạ: 11301 - Ngày, tháng, năm sinh: 11/08/1974 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện mô; - Trình độ lý luận: Trung cấp; <p>4. Thông qua thuê ngoài một số công đoạn sản xuất năm 2020 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đào lò chuẩn bị sản xuất: 4.420 m - Xén lò đồ bê tông: 212 m; - Đồ bê tông lò, gia cường các đường lò: 725 m (2.693 m³) - Đồ bê tông nền lò, bậc đi lại: 269 m³; - Khoan, bóc xúc, vận chuyển đất đá lộ vỉa: 645.000 m³ - Giá thuê: Trên cơ sở đơn giá tổng hợp một số công đoạn sản xuất than do TKV và đơn giá định mức Nhà nước ban hành. - Hình thức thuê: Đấu thầu rộng rãi trong nước <p>5. Thông qua Quy chế tuyển dụng lao động và Quy chế quản lý cán bộ trong Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin</p> |
| | 22/2019/NQ-HDQT | 02/12/2019 | <p>Thông qua báo cáo NCKT đầu tư thiết bị tăng năng lực sản xuất năm 2019, với nội dung chính như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tên dự án: Báo cáo NCKT đầu tư thiết bị tăng năng lực sản xuất năm 2019. 2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin; 3. Hình thức đầu tư: Đầu tư trực tiếp; 4. Địa điểm đầu tư: thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; 5. Mục tiêu đầu tư: Bổ sung năng lực thiết bị trong dây |

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------------|------------|--|
| | | | <p>chuyên sản xuất đảm bảo đủ năng lực đáp ứng nhu cầu tăng sản lượng khai thác, cải thiện điều kiện làm việc của người lao động, tạo điều kiện hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019 và các năm tiếp theo.</p> <p>6. Quy mô: Đầu tư mới 13 danh mục thiết bị (có danh mục thiết bị kèm theo)</p> <p>7. Tổng mức đầu tư: 104.990.082.197 đồng</p> <p>8. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay thương mại và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của Công ty.</p> <p>9. Thời gian thực hiện: năm 2019 - 2020.</p> |
| | 23/2019/NQ-HĐQT | 10/12/2019 | <p>1. Thống nhất thông qua đề Người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty báo cáo Tập đoàn TKV về việc đề xuất thay đổi Người đại diện của Tập đoàn tham gia Hội đồng quản trị Công ty và bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế.</p> <p>2. Thông qua báo cáo dự kiến thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019;</p> <p>3. Thông qua báo cáo dự kiến thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019</p> |
| | 24/2019/NQ-HĐQT | 10/12/2019 | <p>Thông qua nhận xét, đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý Công ty năm 2019, bao gồm các chức danh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ thuộc Cơ quan TKV và cán bộ Công ty được TKV cử tham gia quản lý công ty (giữ các chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty, Thành viên HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát Công ty); - Cán bộ quản lý Công ty giữ các chức vụ: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; Trưởng phòng, Trạm trưởng Trạm Y tế và Quản đốc các đơn vị trong Công ty. |

Số: 03 / BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
Thông qua báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua (chi tiết xem trên website của Công ty).

Nội dung báo cáo tài chính tóm tắt như sau:

I. Bảng cân đối kế toán:

DVT: đồng

| STT | Chỉ tiêu | DVT | Số dư đầu kỳ 01/01/2019 | Số dư cuối kỳ 31/12/2019 | SS 2019/2 018 | % tăng, giảm |
|-----------|--|-------------|----------------------------|-----------------------------|---------------------|--------------------|
| I | Tài sản ngắn hạn : | đồng | 431.265.073.038 | 497.667.725.443 | 115,40 | 15,40 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | đồng | 14.745.096.129 | 8.500.826.062 | 57,65 | -42,35 |
| 2 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | đồng | | 0 | | |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | đồng | 287.089.706.974 | 320.072.500.330 | 111,49 | 11,49 |
| 4 | Hàng tồn kho | đồng | 100.501.489.222 | 144.783.678.795 | 144,06 | 44,06 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | đồng | 28.928.780.713 | 24.310.720.256 | 84,04 | -15,96 |
| II | Tài sản dài hạn | đồng | 2.286.911.023.975 | 2.013.009.667.826 | 88,02 | -11,98 |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | đồng | 37.532.414.663 | 38.041.079.556 | 101,36 | 1,36 |
| 2 | Tài sản cố định (gồm cả CP XDCB dở dang) | đồng | 1.724.671.204.317 | 1.440.023.426.299 | 83,50 | -16,50 |
| 3 | Bất động sản đầu tư | đồng | | 0 | | |
| 4 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | đồng | | 0 | | |

| | | | | | | |
|------------|----------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|--------------|--------------|
| 5 | Tài sản dài hạn khác | đồng | 524.707.404.995 | 534.945.161.971 | 101,95 | 1,95 |
| III | Tổng cộng tài sản | đồng | 2.718.176.097.013 | 2.510.677.393.269 | 92,37 | -7,63 |
| IV | Nợ phải trả | đồng | 2.205.742.906.380 | 1.999.938.653.463 | 90,67 | -9,33 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | đồng | 781.239.784.171 | 785.384.963.223 | 100,53 | 0,53 |
| 2 | Nợ dài hạn | đồng | 1.424.503.122.209 | 1.214.553.690.240 | 85,26 | -14,74 |
| V | Vốn chủ sở hữu | đồng | 512.433.190.633 | 510.738.739.806 | 99,67 | -0,33 |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | đồng | 512.433.190.633 | 510.738.739.806 | 99,67 | -0,33 |
| 2 | Nguồn kinh phí và quỹ khác | đồng | 0 | 0 | | |
| VI | Tổng cộng nguồn vốn | đồng | 2.718.176.097.013 | 2.510.677.393.269 | 92,37 | -7,63 |

II. Kết quả hoạt động SXKD

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2018 | Năm 2019 | SS 2019/2 018 | % tăng, giảm |
|----------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|---------------------|--------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | đồng | 4.267.181.641.149 | 4.545.506.502.269 | 106,52 | 6,52 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | đồng | | | | |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | đồng | 4.267.181.641.149 | 4.545.506.502.269 | 106,52 | 6,52 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | đồng | 3.811.372.716.663 | 4.107.240.877.453 | 107,76 | 7,76 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | đồng | 455.808.924.486 | 438.265.624.816 | 96,15 | -3,85 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | đồng | 1.007.958.515 | 1.125.089.136 | 111,62 | 11,62 |
| 7 | Chi phí tài chính | đồng | 182.434.013.907 | 136.506.182.560 | 74,82 | -25,18 |
| 8 | Chi phí bán hàng | đồng | 9.861.534.083 | 7.954.210.815 | 80,66 | -19,34 |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | đồng | 156.874.348.741 | 197.988.500.363 | 126,21 | 26,21 |

| | | | | | | |
|----|--|------|-----------------|----------------|--------|--------|
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | đồng | 107.646.986.270 | 96.941.820.214 | 90,06 | -9,94 |
| 11 | Thu nhập khác | đồng | 6.135.750.115 | 14.294.249.489 | 232,97 | 132,97 |
| 12 | Chi phí khác | đồng | 28.526.363.979 | 18.085.280.003 | 63,40 | -36,60 |
| 13 | Lợi nhuận khác | đồng | -22.390.613.864 | -3.791.030.514 | 16,93 | -83,07 |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | đồng | 85.256.372.406 | 93.150.789.700 | 109,26 | 9,26 |
| 15 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | đồng | 31.682.903.604 | 31.186.952.571 | 98,43 | -1,57 |
| 16 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | đồng | (8.850.882.570) | 1.233.936.584 | -13,94 | 113,94 |
| 17 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | đồng | 62.424.351.372 | 60.729.900.545 | 97,29 | -2,71 |
| 18 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 CP) | đồng | 1.388 | 1.351 | 97,33 | -2,67 |
| 19 | Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (đồng/1 CP) | đồng | 700 | 800 | 114,29 | 14,29 |

III. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kỳ báo cáo (2018) | Kỳ báo cáo (2019) | SS 2019/2018 | % tăng, giảm |
|-----|--|-----|-------------------|-------------------|--------------|--------------|
| 1 | Cơ cấu tài sản | | | | | |
| | - Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản | % | 84,13 | 80,18 | 95,30 | -4,70 |
| | - Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản | % | 15,87 | 19,82 | 124,93 | 24,93 |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn | | | | | |
| | - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn | % | 81,15 | 79,66 | 98,16 | -1,84 |
| | - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn | % | 18,85 | 20,34 | 107,91 | 7,91 |

| | | | | | | |
|---|--|-----|-------|-------|--------|-------|
| 3 | Khả năng thanh toán | | | | | |
| | - Khả năng thanh toán nhanh | lần | 0,42 | 0,45 | 106,12 | 6,12 |
| | - Khả năng thanh toán hiện hành | lần | 0,55 | 0,63 | 114,79 | 14,79 |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận | | | | | |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân | % | 2,05 | 2,32 | 113,31 | 13,31 |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 1,46 | 1,34 | 91,33 | -8,67 |
| | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu bình quân (gồm mã 411+mã 418) | % | 13,87 | 13,49 | 97,29 | -2,71 |

IV. Chỉ tiêu khác

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2018 | Năm 2019 |
|-----|--|------|---------------|---------------|
| | Lương + thù lao của HĐQT, BSK và người quản lý Công ty (Có bảng chi tiết kèm theo) | đồng | 4.250.220.000 | 4.551.412.000 |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Công Hương

Số: 04 / BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

V/v Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mức cổ tức năm 2019

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về vốn đầu tư nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Căn cứ Quy chế tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 3977/QĐ-TVD-HĐQT ngày 28/10/2016 của HĐQT Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua;

Căn cứ kết quả hoạt động SXKD năm 2019 của Công ty CP Than Vàng Danh – Vinacomin (Số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam)

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mức cổ tức năm 2019 như sau:

| | |
|---|------------------------|
| (1) Tổng lợi nhuận trước thuế | : 93.150789.700 đồng |
| (2) Lợi nhuận sau thuế | : 60.729.900.545 đồng |
| (3) Chi trả cổ tức cho cổ đông 8%/vốn điều lệ | : 35.970.291.200 đồng. |

(4) Lợi nhuận sau khi chi trả cổ tức còn lại được phân phối như sau:

a) Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp : Không trích

b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 24.190.682.845 đồng

(Doanh nghiệp xếp loại A: Trích 3 tháng lương thực hiện)

c) Quỹ thưởng BQL điều hành Công ty : 568.926.500 đồng

(Doanh nghiệp xếp loại A: Trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./ *PHU*

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Công Hương

Số: 05 / BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

V/v kết quả chi trả thù lao cho thành viên kiêm nhiệm HĐQT; BKS Công ty năm 2019,
Kế hoạch chi trả thù lao cho thành viên HĐQT; BKS Công ty năm 2020

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

I. Chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2019

Thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2019 đã thông qua phương án chi trả thù lao các thành viên HĐQT, và Ban Kiểm soát hoạt động kiêm nhiệm, HĐQT đã thực hiện đúng Nghị quyết đề ra, kết quả chi trả thù lao các thành viên như sau:

Mức thù lao của HĐQT, BKS như sau:

| STT | Chức danh | Mức thù lao năm 2018 | Ghi chú |
|-----|--------------------------|----------------------|---------|
| 1. | Chủ tịch HĐQT | 9.204.000 đ/ tháng | |
| 2. | Thành viên HĐQT | 8.142.000 đ/ tháng | |
| 3. | Thành viên Ban kiểm soát | 7.434.000 đ/tháng | |

Tổng số tiền chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2019 là: 679.700.000 đồng.

II. Kế hoạch chi trả thù lao năm 2020

Căn cứ khoản 2 Mục I ban hành kèm theo Quyết định số 938/QĐ-TKV ngày 01/6/2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn: Mức thù lao được tính theo công việc và thời gian làm việc, nhưng không vượt quá 20% mức lương cơ bản của người quản lý chuyên trách tương ứng với quy định tại Quyết định số 279/QĐ-TKV ngày 23/02/2017 của Tập đoàn (Giám đốc 26; PGĐ 23; Kế TT 21); khi TKV điều chỉnh mức lương cơ bản của người quản lý thì mức thù lao điều chỉnh tương ứng; do đó năm 2020 Công ty thực hiện trả thù lao đối với thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát theo đúng quy định này và mức cụ thể như sau:

| T T | Chức Danh | Số người | TL cơ bản theo QĐ 1387/QĐ Đ-TKV (Tr.đ) | Mức thù lao được hưởng so với TL | Thù lao Kế hoạch tháng (Tr.đ/ng) | Thù lao Kế hoạch năm (Tr.đ) | Mức tạm ứng tháng 80% (Tr. Đ) | Ghi chú |
|--------|--------------------------|-------------|--|---|--|--|--|----------------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 1 | 27,0 | 20% | 5,4 | 64,8 | 4,2 | 20% lương CT HĐQT |
| 2 | Thành viên HĐQT | 4 | 23,0 | 20% | 4,6 | 220,8 | 3,7 | 20% lương PGĐ |
| 3 | Trưởng Ban Kiểm soát | | 24,0 | 20% | | | | |
| 4 | Thành viên Ban Kiểm soát | 2 | 23,0 | 20% | 4,6 | 110,4 | 3,4 | 20% lương TV BKS |
| | Tổng cộng | 7 | | | | 396,0 | | |

Hàng tháng các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát được tạm ứng 80% mức thù lao kế hoạch;

Thay mặt HĐQT tôi xin trình trước Đại hội.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Công Hương

Số: 06 / BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
V/v Thông qua đề xuất mức cổ tức năm 2020

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

Căn cứ vào dự báo nhu cầu tiêu thụ than của thị trường và giá bán than xuất khẩu năm 2020 và kế hoạch SXKD của Công ty. Năm 2020, Công ty sản xuất 3,35 triệu tấn than nguyên khai, tiêu thụ 3,22 triệu tấn, doanh thu dự kiến đạt 4.693,5 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế dự kiến 62,6 tỷ đồng.

Với tình hình đó, Hội đồng quản trị Công ty đề xuất Kế hoạch cổ tức năm 2020 là dự kiến tối thiểu bằng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn bình quân 12 tháng của ngân hàng VietinBank và bằng 6,8%.

Mức cổ tức chi trả thực tế của năm 2020 sẽ được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020.

Xin ý kiến của Đại hội./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Công Hương

TẬP ĐOÀN CN THAN – KS VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
THAN VÀNG DANH – VINACOMIN

Số: 07/TTr- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
V/v Thông qua việc huy động vốn phục vụ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Kính gửi: Quý vị cổ đông.

Năm 2020, Công ty đặt mục tiêu sản xuất 3,35 tấn than nguyên khai; đào 33.380 mét lò; bốc xúc đất đá 750.000 m³; đầu tư xây dựng 361,5 tỷ đồng; doanh thu 4.693,5 tỷ đồng.

Để thực hiện được nhiệm vụ trên cần thiết phải huy động vốn để phục vụ sản xuất, kinh doanh của Công ty, nhu cầu về vốn như sau:

1. Huy động vốn để thực hiện đầu tư các dự án: 366,98 tỷ đồng (chi tiết huy động vốn cho từng dự án kèm theo);
2. Huy động vốn trả tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 146,3 tỷ đồng;
3. Huy động vốn lưu động phục vụ SXKD năm 2020: Nhu cầu vốn ngắn hạn (vốn lưu động) bình quân một tháng: 210 tỷ đồng.

Kính trình đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và giao cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ phương án huy động vốn, kế hoạch đầu tư xây dựng được Tập đoàn TKV duyệt hoặc kế hoạch điều chỉnh hoặc bổ sung để chủ động quyết định các phương án vay vốn phù hợp với quy định của Pháp luật.

Xin báo cáo Đại hội./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Công Hương

PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG VỐN CHO DỰ ÁN
(kèm theo Báo cáo số 08 về việc huy động vốn phục vụ kế hoạch SXKD năm 2020)

| TT | Tên dự án | Nguồn vốn (Triệu đồng) | | | |
|------------|---|------------------------|---------------|---------------|---------|
| | | Vốn vay | Vốn CSH | Cộng | Ghi chú |
| | Kế hoạch thực hiện | | | | |
| I | Công trình chuyển tiếp | 76.090 | 14.958 | 91.048 | |
| 1 | Đầu tư dự án cải tạo công nghệ nhà máy tuyển than Vàng Danh 1 | 13.702 | 3.907 | 17.609 | |
| 2 | Đầu tư hệ thống tự động hóa tuyển băng tải khu giếng Vàng Danh và trạm quạt gió chính | 16.830 | 1.463 | 18.293 | |
| 3 | Đầu tư hệ thống điều hoà trung tâm sử dụng năng lượng hơi bão hoà khu Cánh Gà | 8.676 | 3.416 | 12.092 | |
| 4 | Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2019 | | 320 | 320 | |
| 5 | Dự án đầu tư thiết bị phục vụ đào lò năm 2019 | 18.000 | 3.258 | 21.258 | |
| 6 | Dự án đầu tư máy com-bai đào lò | | 116 | 116 | |
| 7 | Báo cáo KT-KT đầu tư công trình đầu tư hệ thống quản lý ra vào lò và ăn ca | 10.800 | 1.320 | 12.120 | |
| 8 | Đầu tư xây dựng công trình kho vật tư tổng hợp 1 | 8.082 | 1.158 | 9.240 | |
| II | Công trình khởi công mới | 62.400 | 15.920 | 78.320 | |
| 1 | Dự án đầu tư thiết bị tăng năng lực sản xuất 2019 | 62.400 | 15.920 | 78.320 | |
| III | Chuẩn bị Dự án | 0 | 10.294 | 10.294 | |
| 1 | Dự án khai thác hầm lò phần lò giếng mức -50-:-175 khu Cánh Gà, mỏ than Vàng Danh | | 2.310 | 2.310 | |
| 2 | Dự án đầu tư XDCT khu phục vụ điều hành sản xuất trung tâm Vàng Danh | | 950 | 950 | |
| 3 | Dự án cải tạo mở rộng khai thác lộ thiên V4-:-V8a, Mỏ than Vàng Danh | | 1.795 | 1.795 | |
| 4 | Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2021 | | 380 | 380 | |

| | | | | | |
|-----------|--|----------------|---------------|----------------|--|
| 5 | Dự án đầu tư thiết phục vụ đào lò năm 2021 | | 350 | 350 | |
| 6 | Dự án đầu tư hệ thống tự động hoá trạm bơm và trạm quạt gió trính | | 400 | 400 | |
| 7 | Đầu tư XDCT cải tạo nâng cấp HT lưới điện 6kV tự động hoá và điều khiển từ xa | | 450 | 450 | |
| 8 | Đầu tư XDCT đường dây 35kV 372,373 đi ngầm đoạn từ trạm 35 Vàng Danh qua kho dự chế | | 400 | 400 | |
| 9 | Dự án đầu tư thiết bị cơ giới hoá khai thác kết hợp giá thuỷ lực | | 470 | 470 | |
| 10 | Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất 2020 | | 350 | 350 | |
| 11 | Dự án đầu tư thiết bị phục vụ đào lò 2020 | | 300 | 300 | |
| 12 | Dự án đầu tư xây dựng công trình trạm nén khí trung tâm | | 258 | 258 | |
| 13 | Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống điều khiển và tự động hóa Nhà máy tuyển Vàng Danh I | | 465 | 465 | |
| 14 | Dự án đầu tư đồng bộ thiết bị CGH khai thác than hạng nhẹ | | 488 | 488 | |
| 15 | Dự án đầu tư thiết bị khai thác bằng giàn chống mềm đồng bộ | | 350 | 350 | |
| 16 | Báo cáo KT-KT mở rộng mặt bằng sản xuất khu vực cửa lò mức +139 | | 578 | 578 | |
| IV | Dự phòng | 228.487 | 57.082 | 285.569 | |
| 1 | Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2020 | 61.540 | 6.838 | 68.378 | |
| 2 | Dự án đầu tư thiết bị phục vụ đào lò năm 2020 | 60.999 | 6.778 | 67.777 | |
| 3 | Đầu tư xây dựng nhà giao ca trung tâm Vàng Danh | | 2.625 | 2.625 | |
| 4 | Dự án đầu tư thiết bị, hạ tầng để tiếp nhận, vận chuyển than từ khu vực Đồng Vông-Cty Than Uông Bí-TKV sang nhà máy tuyển Vàng Danh II | 11.470 | 3.166 | 14.636 | |
| 5 | Đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống điều khiển và tự động hóa Nhà máy tuyển Vàng Danh I | 13.822 | 1.770 | 15.592 | |
| 6 | Đầu tư XDCT đường dây 35kV 372,373 đi ngầm đoạn từ trạm 35 Vàng Danh qua kho dự chế | | 13.717 | 13.717 | |

| | | | | | |
|---|---|----------------|---------------|----------------|--|
| 7 | Dự án đầu tư thiết bị khai thác bằng giàn chống mềm đồng bộ | 78.351 | 22.100 | 100.451 | |
| 8 | Báo cáo KT-KT mở rộng mặt bằng sản xuất khu vực cửa lò mức +139 | 2.305 | 88 | 2.393 | |
| | Tổng cộng | 366.977 | 98.254 | 465.231 | |

TẬP ĐOÀN CN THAN – KS VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
THAN VÀNG DANH – VINACOMIN

Số: 10 /TTr- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 04 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-TKV ngày 09/01/2020 của Tập đoàn TKV về việc thay đổi Người đại diện của TKV tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin;

Căn cứ Nghị quyết số: 01/2020/NQ-HĐQT ngày 15/01/2020 của Hội đồng quản trị Công ty về việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế.

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị như sau:

1. Từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Trịnh Xuân Thóa theo đơn xin từ nhiệm chức vụ đề nghị hưu theo quy định;

2. Giới thiệu, bầu ông Nguyễn Văn Dũng - Phó giám đốc Công ty tham gia Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin kể từ ngày 01/02/2020..

Xin báo cáo Đại hội./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Công Hương

SƠ YẾU LÝ LỊCH

❖ ÔNG: NGUYỄN VĂN DŨNG

| | |
|---------------------------|---|
| - Giới tính: | Nam |
| - Ngày sinh: | 10/07/1973 |
| - Quốc tịch: | Việt Nam |
| - Số chứng minh nhân dân: | 100957716 Cấp ngày 29/12/2004; Nơi cấp: CA-QN |
| - Dân tộc: | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú: | Thanh Sơn, Ưông Bí, Quảng Ninh |
| - Trình độ văn hóa: | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn: | Cử nhân kế toán |
| - Trình độ lý luận: | Cao cấp chính trị |
| - Quá trình công tác: | |
| ✓ 04/1993 - 06/1995 | Công nhân nhà máy cơ khí Cẩm Phả |
| ✓ 07/1995 - 03/1997 | Công nhân phân xưởng ô tô, Mỏ than Vàng Danh |
| ✓ 04/1997 - 10/2004 | Nhân viên phòng Kế hoạch, Công ty Than Vàng Danh |
| ✓ 11/2004 - 03/2008 | Phó phòng Kế hoạch, Công ty than Vàng Danh |
| ✓ 04/2008 - 03/2016 | Trưởng phòng Kế hoạch Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin |
| ✓ 04/2016 đến nay | Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh – Vinacomin |

- Số cổ phần (TVD) nắm giữ : 119.897 CP (chiếm 0,005 %), trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân : 2.489 CP (chiếm 0,267%);
 - + Đại diện phần vốn Nhà nước : 0 CP (chiếm 0%).
- Số cổ phần (TVD) của người có liên quan nắm giữ : 0 CP (chiếm 0,064%).
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Tôi cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 4 năm 2020

Người khai

Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

V/v Báo cáo giám sát hoạt động quản lý điều hành năm 2019 và Thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 của Ban Kiểm soát Công ty

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68 ngày 26/11/2014. Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2015;

Căn cứ điều lệ tổ chức hoạt động và phương án SXKD năm 2019 của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12 tháng 4 năm 2019;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty;

Căn cứ các văn bản Quản lý điều hành của HĐQT và Ban giám đốc Công ty.

Căn cứ quy định hiện hành về quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo trước đại hội kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2019 Ban kiểm soát công ty đã thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Giám sát hoạt động điều hành của HĐQT, thông qua việc thực thi các văn bản quản lý của Nhà nước, Tập đoàn, Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Giám sát Ban giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty thông qua việc thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Giám đốc Công ty với Tập đoàn, việc thực hiện triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các văn bản quản lý khác của Nhà nước và Tập đoàn.

Kiểm soát việc xây dựng, tổ chức thực hiện các văn bản quản lý nội bộ để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Giám sát việc thực thi pháp luật và công bố thông tin của Công ty theo quy định.

Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm; Báo cáo công tác điều hành của HĐQT và Ban giám đốc Công ty trình HĐQT TKV, Đại hội Cổ đông Công ty và các cơ quan quản lý Nhà Nước. Kiểm tra độ tin cậy của số liệu báo cáo tài chính (bao gồm tài sản, công nợ, vốn, doanh thu, chi phí, lợi nhuận, thuế nộp cho nhà nước); thông tin kinh tế và các báo cáo khác của Công ty.

Giám sát tính khả thi và tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Công ty; mức độ hoàn thành các mục tiêu và chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc của Hội đồng quản trị Công ty, trong đó chủ yếu là chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận trên vốn cổ phần, tình hình sử dụng lợi nhuận sau thuế; tình hình sử dụng các quỹ của Công ty.

Giám sát việc phối hợp lãnh đạo Công ty thông qua Nghị quyết liên tịch giữa Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên với HĐQT và Ban giám đốc.

Giám sát các đơn vị trong nội bộ Công ty trong việc thực hiện các quy định, quy chế nội bộ của Công ty; quy chế quản lý các chi phí trong nội bộ Công ty.

Giám sát các đơn vị trong nội bộ Công ty trong việc thực hiện hợp đồng lao động, Quy chế lương; việc trả lương cho người lao động; việc chi trả tiền thưởng, thực hiện quyền lợi về phúc lợi; chế độ trợ cấp thôi việc, mất việc từ Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm (nếu có) và các quyền lợi khác của người lao động.

Xem xét đến tính hợp lý của việc huy động, phân phối và sử dụng các nguồn lực như Tài sản, vật tư, tiền vốn, tuyển dụng và chế độ của người lao động.

Giám sát Ban giám đốc Công ty trong việc thực thi những kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và hệ thống kiểm soát nội bộ...

Đề xuất để lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, kết quả công tác kiểm toán độc lập và các ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc Công ty.

Tham gia một số cuộc họp của HĐQT và Ban giám đốc (khi được mời họp) với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác; Trao đổi tham gia ý kiến thẳng thắn, trung thực, khách quan với HĐQT và Ban giám đốc Công ty

Thường xuyên giữ mối liên lạc giữa các thành viên trong Ban kiểm soát, giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty và các cổ đông.

Thực hiện quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

PHẦN 2

KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Về hoạt động quản lý điều hành của HĐQT Công ty:

Trong năm 2019 HĐQT đã thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình thông qua Quy chế hoạt động, thực hiện chức năng quản lý Công ty thông qua việc ban hành các nghị quyết, Quy chế, Quyết định, Quy định và tổ chức kiểm tra phù hợp.

Thực hiện chỉ đạo Ban giám đốc điều hành và các bộ phận quản lý khác trong Công ty thực hiện nghiêm túc các Văn bản quản lý của Nhà nước, Tập đoàn và Công ty; xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp, kịp thời với biến động các chỉ tiêu hàng kỳ và kế hoạch tài chính kèm theo đồng thời tổ chức thực hiện.

HĐQT đã chủ động xây dựng chiến lược phát triển Công ty năm 2019 và các năm tiếp theo. Quyết định cơ cấu tổ chức phù hợp, quy chế quản lý nội bộ và các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền. Xây dựng công tác đào tạo cán bộ phù hợp từng thời kỳ.

Thông qua hoạt động của HĐQT và việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quản lý, kịp thời đã giúp cho việc quản trị và điều hành của Công ty trong năm đạt được hiệu quả tốt hơn.

Năm 2019 HĐQT đã tổ chức các cuộc họp lấy ý kiến tham gia và thông qua 24 Nghị quyết bao gồm nội dung liên quan đến các lĩnh vực quản lý như :

Công tác tổ chức cán bộ; Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; Thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 điều chỉnh và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019;

Phê duyệt kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty;

Các văn bản quản lý của HĐQT ban hành đảm bảo phù hợp với điều kiện và thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như quy định của TKV và Pháp luật Nhà nước.

2. Về công tác tổ chức thực hiện của Ban giám đốc Công ty :

Ban giám đốc Công ty trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Tổ chức triển khai nghiêm túc các chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Tập đoàn với Công ty.

Kịp thời đề xuất với HĐQT những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý trong Công ty. Chủ động xây dựng và ban hành các văn bản quản lý theo thẩm quyền điều hành.

Chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh của toàn Công ty và trong từng đơn vị trong nội bộ Công ty;

Tích cực tuyên truyền vận động công nhân viên chức trong Công ty thực hiện tốt công tác môi trường, an sinh xã hội trên địa bàn và giữ gìn trật tự an toàn trong sản xuất

Trực tiếp thay mặt Công ty ký hợp đồng lao động, các hợp đồng vay và sử dụng vốn vay của Công ty; tình hình cung ứng, phân bổ tiền vốn, nguyên vật liệu, hàng hoá, lao động cho các đơn vị trong nội bộ Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh hoặc cung ứng dịch vụ; tình hình thực hiện các hợp đồng mua, bán tài sản và các hợp đồng kinh tế khác.

Thực hiện thỏa ước lao động và các hợp đồng lao động đã ký. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Chỉ đạo điều hành các đơn vị trong nội bộ Công ty trong việc thực hiện hợp đồng lao động, Quy chế lương; việc trả lương cho người lao động; việc chi trả tiền thưởng, thực hiện quyền lợi về phúc lợi; chế độ trợ cấp thôi việc. mất việc từ Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm (nếu có) và các quyền lợi khác của người lao động, Được thực hiện phù hợp với Quy chế, Quy định của Công ty và các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn. Phát hiện kịp thời và có biện pháp xử lý những tồn tại, yếu kém trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

Công tác quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm cán bộ được thực hiện đúng quy trình; tuyển dụng lao động được thực hiện dân chủ, công khai và minh bạch.

Chủ động triển khai điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hàng ngày, tuần, tháng, năm theo Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và các văn bản Tập đoàn Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh bằng chính sách và các giải pháp đồng bộ từ Công ty đến các đơn vị phòng ban, phân xưởng kịp thời.

Tổ chức thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp, quyết định đầu tư đúng thẩm quyền. Thực hiện công tác kiểm toán các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành phục vụ công tác quyết toán dự án đúng chế độ quy định.

Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật mà Nghị quyết đại hội cổ đông đã đề ra. Cụ thể như sau :

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch | Thực hiện | So sánh |
|----------|--------------------------------|----------------------|-----------------------|------------------|---------------|
| | | | 2171,2174; QĐ số 2168 | Năm 2019 | % |
| a | b | c | 1 | 2 | (3)=2/1 |
| 1 | Than nguyên khai | tấn | 3.370.000 | 3.454.255 | 102,50 |
| | -Than lộ thiên | " | 200.000 | 199.968 | 99,98 |
| | -Than hầm lò | " | 2.910.000 | 2.996.214 | 102,96 |
| | -Than giao thầu KT | " | 260.000 | 258.073 | 99,26 |
| 2 | Than sạch | " | 2.854.000 | 2.993.820 | 104,90 |
| 3 | Đất bóc | m³ | 2.680.000 | 2.155.110 | 80,41 |
| 4 | Mét lò đào mới | mét | 33.170 | 34.186 | 103,06 |
| | - Mét lò CBSX | " | 33.170 | 34.186 | 103,06 |
| | - Mét lò XDCB | " | | | |
| 5 | Than tiêu thụ tổng số | tấn | 2.677.500 | 2.973.306 | 111,05 |
| 6 | Tồn kho cuối kỳ báo cáo | tấn | | 141.408 | |
| | - Than sạch tiêu chuẩn | " | | 73.668 | |
| | - Than nguyên khai +BTP | " | | 67.740 | |
| 7 | Doanh thu tổng số | tr.đ | 3.933.043 | 4.545.507 | 115,57 |
| 8 | Đầu tư XDCB | tr.đ | 408.936 | 287.784 | 70,37 |
| 9 | Lợi nhuận trước thuế | tr.đ | 52.794 | 90.646 | 171,70 |

Sản xuất than nguyên khai: Thực hiện là 3.370.000tấn, bằng 102,5% kế hoạch năm. Trong đó: (+) Than lộ thiên thực hiện 199.968 tấn, bằng 99,98% kế hoạch năm ; (+)

Than hầm lò thực hiện 2.996.214 tấn, bằng 102,96% kế hoạch năm ; (+) Than giao thầu thực hiện 258.073 tấn, bằng 99,26% kế hoạch năm.

- **Mét lò đào mới:** Thực hiện là 34.185,6 mét, bằng 103,06% kế hoạch năm.
- **Đất bóc:** Thực hiện là 2.722.970 m³, bằng 101,6% kế hoạch năm.
- **Than sạch sản xuất:** Thực hiện là 2.290.884 tấn, bằng 85,56% kế hoạch năm.
- **Than tiêu thụ:** Thực hiện là 2.973.306 tấn, bằng 111,05% kế hoạch năm.
- **Than tồn kho (31/12/2019):** 141.408 tấn, trong đó than sạch tồn 73.668 tấn; than nguyên khai tồn 67.740 tấn (tính cả tồn than giao thầu).
- **Doanh thu than:** Thực hiện là 4.532 tỷ đồng, bằng 115,5% kế hoạch năm
- **Lợi nhuận:** Thực hiện thực hiện là 93 tỷ đồng, bằng 176,4 % kế hoạch năm.
- **Giá trị đầu tư XDCB:** Thực hiện điều chỉnh 287 tỷ đồng, bằng 70,37% kế hoạch năm (số liệu báo cáo tài chính).

Giá thành và giá bán:

Giá thành sản xuất than: 1.406.423 đồng/tấn bằng 96% so năm 2018

Giá bán bình quân : 1.524.464 đồng/ tấn bằng 97,8% so năm 2018

Lao động và thu nhập:

Lao động bình quân thực hiện 5.537 người, bằng 95,4% kế hoạch năm; Tiền lương bình quân thực hiện 16.082.000 đồng/người- tháng, bằng 112% kế hoạch năm và bằng 113 % cùng kỳ năm trước

Các chỉ tiêu cơ bản công ty đã thực hiện đạt và vượt kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2019 với Tập đoàn.

Nộp ngân sách nhà nước : 994,3 tỷ đồng bằng 106,8% so năm 2018.

Tóm lại : Năm 2019 Công ty đã kịp thời, chủ động điều hành sản xuất, bố trí hợp lý lao động và tổ chức sản xuất phù hợp với các văn bản chỉ đạo của Tập đoàn. Cơ cấu lại lao động từ phòng ban, phân xưởng hợp lý đúng quy định nhằm đảm bảo việc làm ổn định thu nhập của người lao động. Công ty đã kịp thời đưa ra các giải pháp trong công tác quản lý (Từ chỉ phí văn phòng phẩm cho đến công tác sửa chữa máy móc thiết bị, tận thu tối đa nguồn lực hiện có của đơn vị...). Kết quả Công ty tăng cao về chỉ tiêu lợi nhuận . Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu dự kiến đạt 8% (Tuy nhiên năm 2019 số lợi nhuận sau thuế của Công ty được phân phối sau khi đại Hội Cổ đông thường niên năm 2020).

Năm 2019 HĐQT và Ban giám đốc điều hành đã thực hiện tốt các chức năng và nhiệm vụ của mình, phối kết hợp lãnh đạo, quản lý và điều hành công ty thực hiện các mục tiêu mà Đại hội cổ đông đề ra; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, với Tập đoàn. Bảo toàn và phát triển vốn, tạo sự ổn định cho các năm tiếp theo.

Thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trung thành với lợi ích hợp pháp của Công ty và các Cổ đông. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty. Không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để trục lợi cá nhân.

PHẦN 3

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY NĂM 2019

Ban kiểm soát Công ty thống nhất xác nhận số liệu tại báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty được thực hiện bởi Công ty TNHH kiểm toán PKF Việt Nam thực hiện.

Trong quá trình thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty TNHH kiểm toán PKF Việt Nam Ban kiểm soát Công ty xét thấy phương pháp thực hiện kiểm toán, các chuẩn mực kiểm toán, kế toán và chế độ tài chính của Công ty áp dụng trong báo cáo tài chính năm 2019 đã đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng chế độ quy định.

Báo cáo tài chính đã kiểm toán phản ánh minh bạch, trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào thời điểm 31/12/2019, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và dòng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính được kết thúc cùng ngày.

Công tác hạch toán kế toán đảm bảo không có sai sót có tính chất trọng yếu, thời gian lập báo cáo tài chính qua các quý, năm đảm bảo đúng thời gian quy định, đúng mẫu biểu đăng ký hiện hành.

Công tác tổ chức bộ máy thống kê, kế toán thực hiện tập trung, phù hợp với quy trình tổ chức sản xuất kinh doanh và quản lý của Công ty.

Thực hiện chế độ sổ sách, chứng từ kế toán theo đúng quy định tại Quyết định số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn than-khoáng sản Việt Nam được Bộ tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CKKT ngày 20/12/2006. Mở sổ sách và ghi chép số liệu kế toán rõ ràng, thống kê đầy đủ, lưu trữ chứng từ khoa học, đúng quy định.

Thực hiện công tác kiểm kê tài sản, tiền mặt tồn quỹ, hàng hóa vật tư, thành phẩm tồn kho, công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán đúng với hướng dẫn của Tập đoàn.

Thực hiện đảm bảo các quy định về quản lý tài chính, các khoản thu, chi được hạch toán đầy đủ và đúng chế độ;

Công ty đã chủ động cân đối các nguồn lực tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh hợp lý, các chỉ tiêu tài chính lành mạnh, thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách Nhà Nước đầy đủ và kịp thời;

Công tác thống kê được theo dõi ghi chép cập nhật tương đối kịp thời, đảm bảo phù hợp với quy trình tổ chức của Công ty;

Ban kiểm soát Công ty thống nhất với các số liệu cũng như nhận xét của kiểm toán viên đưa ra trong Báo cáo kiểm toán kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 của Công ty và đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty thông qua một số chỉ tiêu sau:

Về hình thức sở hữu vốn:

Vốn điều lệ : 449.628.640.000đ

Vốn Cổ phần Nhà nước: Do Tập đoàn TKV nắm giữ 66,83% bằng 300.487.430.000đ

Vốn của các cổ đông đóng góp : 33,17%.bằng 149.141.210.000 đồng.

Quản lý vốn, bảo toàn và phát triển vốn:

+ Vốn chủ sở hữu:

| Nội dung | Năm 2019 | Năm 2018 |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Vốn chủ sở hữu | 510.738.739.806 | 512.433.190.633 |
| 1.Vốn đầu tư của CSH (TK 411) | 449.628.640.000 | 449.628.640.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | -393.100.000 | -393.100.000 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển (TK 414) | 421.481.079 | 421.481.079 |
| 4. Vốn Khác của chủ sở hữu | 351.818.182 | 351.818.182 |
| 5. Nguồn vốn ĐTXDCB (TK 441) | | |
| 6. Quỹ dự phòng tài chính (TK 415) | | |
| 7. Lợi nhuận sau thuế chưa PP | 60.729.900.545 | 62.424.351.372 |
| 8. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | |

Công ty đã mở sổ sách theo dõi và hạch toán tình hình biến động của vốn chủ theo quy định. Sử dụng vốn đúng mục đích, đã bảo toàn và phát triển vốn.

Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn = 79,66% năm 2018 là 81,15%

Vốn chủ sở hữu/ tổng nguồn vốn = 20,34%. Năm 2018 là 18,85%

Khả năng TT hiện thời (TSNH/Nợ NH) = 0,63 lần. Năm 2018 là 0,55 lần

CR(current ratio) của Công ty đạt 0.63 lần mức độ cận an toàn.Mức độ các khoản nợ của các chủ nợ ngắn hạn được trang trải bằng tài sản có thể chuyển thành tiền trong một giai đoạn tương đương với thời gian của các khoản nợ đó.

Tỷ số lợi nhuận sau thuế / tổng tài sản(ROA) đạt 2,32%. Năm 2018 là 2,05%

Tỷ suất sinh lời/ tổng tài sản hay doanh lợi tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2019đạt 2,32%.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn CSH (ROE) đạt 13,49%. Năm 2018 là 13,87%

Chỉ tiêu tỷ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu càng cao là càng tốt cho đơn vị. Được kết hợp với ROA để xem xét đến việc đơn vị sử dụng đòn bẩy tài chính trong hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên các chỉ tiêu tài chính hoặc sản lượng SX sản phẩm và quy mô tiêu thụ của Công ty phụ thuộc vào hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn nên chỉ phân tích mang tính chất tương đối, phối hợp các chỉ tiêu trong quản trị doanh nghiệp.

Hệ số bảo toàn vốn đạt: 1,1 lần

Bố trí cơ cấu vốn:

Công ty đã huy động và sử dụng vốn huy động đúng mục đích, vốn vay dài hạn để thực hiện đầu tư các công trình XDCCB trong điểm phục vụ sản xuất, đáp ứng nhu cầu mở rộng và tăng năng lực sản xuất của Công ty. Vốn vay ngắn hạn dùng để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn đến kỳ thanh toán trong thời điểm chưa thu được tiền bán hàng.

Tổng số vốn huy động trong kỳ : 1.927 tỷ đồng

Trong đó :Vay chi đầu tư XDCCB : 369,4 tỷ đồng

Vay chi hoạt động sản xuất kinh doanh : 1.557,7 tỷ đồng.

Số dư vốn vay của các tổ chức tín dụng trong kỳ :1.385,3 tỷ đồng

Vốn vay ngắn hạn đến thời điểm 31/12/2019: 120,7 tỷ đồng

Vay dài hạn đến thời điểm 31/12/2019 : 1.264,5 tỷ đồng.

Quản lý tài sản và sử dụng tài sản :

Tổng cộng tài sản đến 31/12/2019 : 2.510 tỷ đồng. Năm 2018 là 2.718,2 tỷ đồng.

Công ty đã tổ chức công tác ĐT XDCCB, quản lý sử dụng trích khấu hao và nhượng bán tài sản cố định, xử lý hàng hóa, vật tư, phụ tùng hư hỏng, kém phẩm chất. Quản lý công nợ phải thu, phải trả, xử lý tổn thất tài sản theo đúng quy định hiện hành. Công ty đã lập hội đồng xử lý, lập hồ sơ xử lý và thực hiện hạch toán các khoản công nợ không có khả năng thu hồi.

Công ty chất hành tốt chế độ chính sách và pháp luật Nhà Nước đặc biệt là công tác về tiền lương và các chế độ của người lao động. Các kiến nghị của Chủ sở hữu, kiểm toán, thanh tra và các cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp.

Về cơ cấu tài chính :

Nợ phải trả/ tổng nguồn vốn : 79,66% ; năm 2018 là 81,15%

Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn : 20,34% ; năm 2018 là 18,85%.

Về khả năng thanh toán :

Khả năng thanh toán hiện thời: 0,63 lần ; năm 2018 là 0,55 lần

Hệ số khả năng thanh toán nhanh : 0,45 lần ; năm 2018 là 0,42 lần

Về hiệu quả sử dụng vốn :

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / doanh thu : 2,05% ; năm 2018 là 1,99%

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ tổng tài sản : 3,7% ; năm 2018 là 3,1%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / tổng tài sản : 2,32%/; năm 2018 là 2,05%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / doanh thu : 1,34%/; năm 2018 là 1,46%

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn chủ sở hữu: 18,2% ; năm 2018 là 16,5%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu : 13,49% ; năm 2018 là 13,87%

Hệ bảo toàn vốn : 1,1 lần

Lãi cơ bản trên cổ phiếu là 1.351 đồng . Năm 2018 là 1.388 đồng.

Dự kiến năm 2019 phương án chi cổ tức 8% vốn điều lệ. Sau khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông công ty về chỉ tiêu phân phối lợi nhuận.

Qua một số chỉ tiêu tài chính trên cho thấy năm 2019 Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu bằng vốn vay. Nợ phải trả chiếm 79,7% tổng nguồn vốn và gấp 3,9 lần vốn chủ sở hữu. Khả năng thanh toán hiện thời 0,63 lần. Công ty bảo toàn được vốn trong niên độ kế toán.

Tóm lại : Ban kiểm soát Công ty thống nhất đánh giá chất lượng báo cáo tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần than Vàng Danh-Vinacomin, đã đảm bảo đúng yêu cầu và mục tiêu Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2019 đề ra. Theo Thông tư 158/TT-BTC và Thông tư số 200/TT-BTC hướng dẫn đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thì Công ty đủ tiêu chuẩn xếp loại A.

PHẦN 4

NHỮNG ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2019, Tập đoàn TKV nói chung và Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin nói riêng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: Cơ chế chính sách chỉ đạo của Trung ương đến Chính phủ có nhiều sự thay đổi, đòi hỏi phải đổi mới về quản trị, mô hình quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; thị trường tiêu thụ than đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt; diễn biến thời tiết phức tạp, song với tinh thần đoàn kết "Kỷ luật và Đồng tâm" dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, sự nỗ lực, cố gắng của CBCN người lao động của Công ty với tinh thần "Chủ động - Sáng tạo - Quyết liệt" Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông giao cho. Để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 công ty tiếp tục xây dựng các giải pháp điều hành và rà soát điều chỉnh, bổ sung các văn bản pháp lý nội bộ phù hợp với hướng dẫn của TKV trong quản lý và điều hành.

Giải pháp trong công tác điều hành : Căn cứ vào các chỉ tiêu trong kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2020, Công ty xây dựng các giải pháp điều hành phù hợp với thực tế thị trường hiện nay. Đổi mới công nghệ, hoàn thiện cơ cấu tổ chức các đơn vị và các dây chuyền sản xuất trong Công ty phù hợp với điều kiện thực tế. Tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng, năng suất đảm bảo tăng trưởng hiệu quả.

Công tác quản trị chi phí : Khoán và quản lý trên các lĩnh vực(Quản trị tài nguyên, quản trị chi phí, quản lý lao động, tiền lương, quản lý vốn và dòng tiền, công tác thuê ngoài...)đảm bảo đời sống người lao động và có hiệu quả cao nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đầu tư phát triển khoa học công nghệ : Đầu tư công nghệ sản xuất mang tính đồng bộ và trọng điểm lâu dài phát triển sản xuất nhưng đòi hỏi phải phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty đảm bảo công tác an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.

Công tác an toàn: Đảm bảo an toàn trong sản xuất nhằm giảm thiểu các vụ tai nạn lao động, cải thiện điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động.

Công tác sáng kiến hợp lý hóa sản xuất : Cần tiếp tục quan tâm và đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật góp phần tiết giảm chi phí trong sản xuất kinh doanh.

Tăng cường sự phối kết hợp giữa Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc điều hành để nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo điều hành sản xuất.

Công ty đã thực hiện tổ chức Ban kiểm soát chuyên trách (Từ Đại hội đồng cổ đông 22/4/2016). Các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo quy chế hoạt động một cách trung thực, cẩn trọng và khách quan nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và các Cổ đông.

Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ của Công ty, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

Trung thành với lợi ích của Công ty và các Cổ đông, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để trục lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức các nhân khác.

Năm 2019 Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, tố cáo nào từ các Cổ đông về tình hình hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành và bộ phận quản lý khác trong Công ty.

Có được kết quả đó, ngoài sự cố gắng của mỗi thành viên trong ban còn có sự ủng hộ của, hỗ trợ, động viên của ban lãnh đạo Công ty, sự cộng tác của các Cổ đông và các phòng ban quản lý trong Công ty. Ban kiểm soát trân trọng cảm ơn sự phối kết hợp của các quý vị và hy vọng năm 2020 Ban kiểm soát Công ty sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác của các quý vị để Ban hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS; Các cổ đông Công ty;
- Phòng CNTH (Đăng trên Website)
- Lưu VT

**TM BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
TRƯỞNG BAN**

Trần Thị Vân Anh

Số: 09 / BC- ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 04 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội thông qua.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-
Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo trước Đại hội về việc nhận hồ sơ năng lực và lựa chọn một số Công ty kiểm toán độc lập có đủ điều kiện Kiểm toán BCTC năm 2018 của Công ty như sau:

Thu nhận Hồ sơ năng lực:

Đến ngày 20 tháng 3 năm 2020 Ban kiểm soát nhận được 01 số hồ sơ giới thiệu năng lực nhằm tham gia công tác kiểm toán tài chính tại Công ty năm 2020.

Tên các công ty kiểm toán lựa chọn: Công ty TNHH PKF Việt Nam

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Quận Thanh Xuân- Thành phố Hà Nội.

Nội dung kiểm toán: Kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2020 và các nội dung kiểm toán khác của Công ty.

Ban kiểm soát xin đề xuất Đại hội lựa chọn Công ty kiểm toán sau:

Công ty TNHH PKF Việt Nam là một trong những công ty được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho tổ chức kiểm toán độc lập và được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực kiểm toán năm 2020 theo Quyết định số 1035/QĐ/UBCK ngày 20/11/2018.

Quyết định số 2155/QĐ-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ tài chính về việc chấp thuận cho Công ty TNHH PKF Việt Nam và danh sách kiểm toán viên hành nghề kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2020.

Ban kiểm soát xét thấy Công ty TNHH PKF Việt Nam là đơn vị có đủ năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và kiểm toán báo cáo tài chính và nội dung kiểm toán khác năm 2020 cho Công ty đảm bảo mọi quy định theo Nghị định số 17/2012/NĐ-CP của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật kiểm toán độc lập.

Ban Kiểm soát Công ty kính trình các Quý vị cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS
- Các cổ đông
- Lưu: VP; TKCT

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Thị Vân Anh